

CÔNG TY TNHH NHIÊN LÝ



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP  
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
“NHÀ XƯỞNG CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU”**

*Địa điểm: Khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước*

*Bình Phước, 2025*

CÔNG TY TNHH NHIÊN LÝ

---- & ----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP  
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**“NHÀ XƯỞNG CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU”**

*Địa điểm: Khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước*

**ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ  
CÔNG TY TNHH NHIÊN LÝ  
GIÁM ĐỐC**



*Phan Đức Nhiên*

*Bình Phước, năm 2025*

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC BẢNG.....	v
DANH MỤC HÌNH.....	vi
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1. Tên chủ cơ sở.....	7
2. Tên cơ sở.....	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	8
3.1. Công suất của cơ sở.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	8
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	14
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cơ sở:.....	14
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở.....	14
4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện.....	15
4.4. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước.....	16
4.5. Nhu cầu sử dụng lao động.....	20
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	20
5.1. Vị trí địa lý.....	20
5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở.....	21
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	22
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	25
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	25
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường.....	25
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	26

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	26
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	26
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	26
1.3. Xử lý nước thải.....	27
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	28
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	32
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	34
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	36
5.1. Nguồn phát sinh.....	36
5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	38
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	39
6.1. Sự cố tại hệ thống thoát nước và bể tự hoại.....	39
6.2. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ.....	39
6.3. Sự cố về hóa chất.....	40
6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải.....	41
<b>Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>52</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	52
1.1. Nội dung đề nghị cấp phép với nước thải.....	52
1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:.....	52
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	52
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	53
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	54
4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:.....	54
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	55
<b>Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>57</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	57
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí.....	57
2.1. Thông tin đơn vị quan trắc.....	57
2.2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh.....	57

2.3. Kết quả quan trắc khí thải .....	58
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	60
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: .....	60
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm .....	60
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: .....	60
1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.....	61
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	61
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	61
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....	63
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	64
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	65
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	66

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CP	Chính phủ
CTR CNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
MTV	Một thành viên
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TSS	Chất rắn lơ lửng
Stt	Số thứ tự
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GPXD	Giấy phép xây dựng

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất sản xuất của của cơ sở.....	8
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở.....	17
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở.....	17
Bảng 1.4. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở.....	17
Bảng 1.5. Thống kê lượng điện tiêu thụ Cơ sở.....	19
Bảng 1.6. Cân bằng sử dụng nước của cơ sở.....	20
Bảng 1.7. Vị trí tọa độ của Cơ sở.....	21
Bảng 1.8. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	22
Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	23
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã lắp đặt.....	28
Bảng 3.2. Số lượng thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty.....	30
Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh.....	32
Bảng 3.4. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	32
Bảng 3.5. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới.....	33
Bảng 3.6. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	34
Bảng 3.7. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số.....	34
Bảng 3.9. Một số sự cố điển hình với lò hơi.....	40
Bảng 3.10. Một số kịch bản sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	48
Bảng 6.1. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	57

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Hình ảnh cơ sở.....	7
Hình 1.2. Quy trình sản xuất hạt điều nhân.....	12
Hình 1.3. Một số hình ảnh máy móc của Cơ sở.....	16
Hình 1.4. Hình ảnh minh họa sản phẩm của cơ sở.....	16
Hình 1.5. Vị trí cơ sở trên bản đồ.....	22
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở.....	26
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải.....	27
Hình 3.3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	27
Hình 3.4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi.....	28
Hình 3.5. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Cơ sở.....	30
Hình 3.8. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	37
Hình 3.9. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất.....	39
Hình 3.10. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.....	40

## CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Nhiên Lý
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Ông PHAN ĐỨC NHIÊN
- Chức vụ: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3800652909 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 03 năm 2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

### 2. Tên cơ sở

“Nhà xưởng chế biến hạt điều”



Hình 1.1. Hình ảnh cơ sở

- Địa điểm dự án: Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

- Quy mô của Cơ sở:

Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Xác định theo khoản 3 Điều 11, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024 và thuộc Phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Dự án có tổng vốn đầu tư là 37 tỷ đồng, do đó dự án được phân loại **Nhóm C** (Dự án có mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Không có.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến hạt điều nhân.

- Phân loại Dự án đầu tư: Cơ sở thuộc Dự án đầu tư Nhóm III, căn cứ theo quy định thuộc số thứ tự 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường:

• Căn cứ Khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức*”.

• Căn cứ Khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường: “*Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này*” thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

Do đó, Công ty TNHH Nhiên Lý tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho “Nhà xưởng chế biến hạt điều” tại Khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ Môi trường và trình lên Ủy ban nhân dân Thị xã Phước Long để được thẩm định và cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

#### 3.1. Công suất của cơ sở

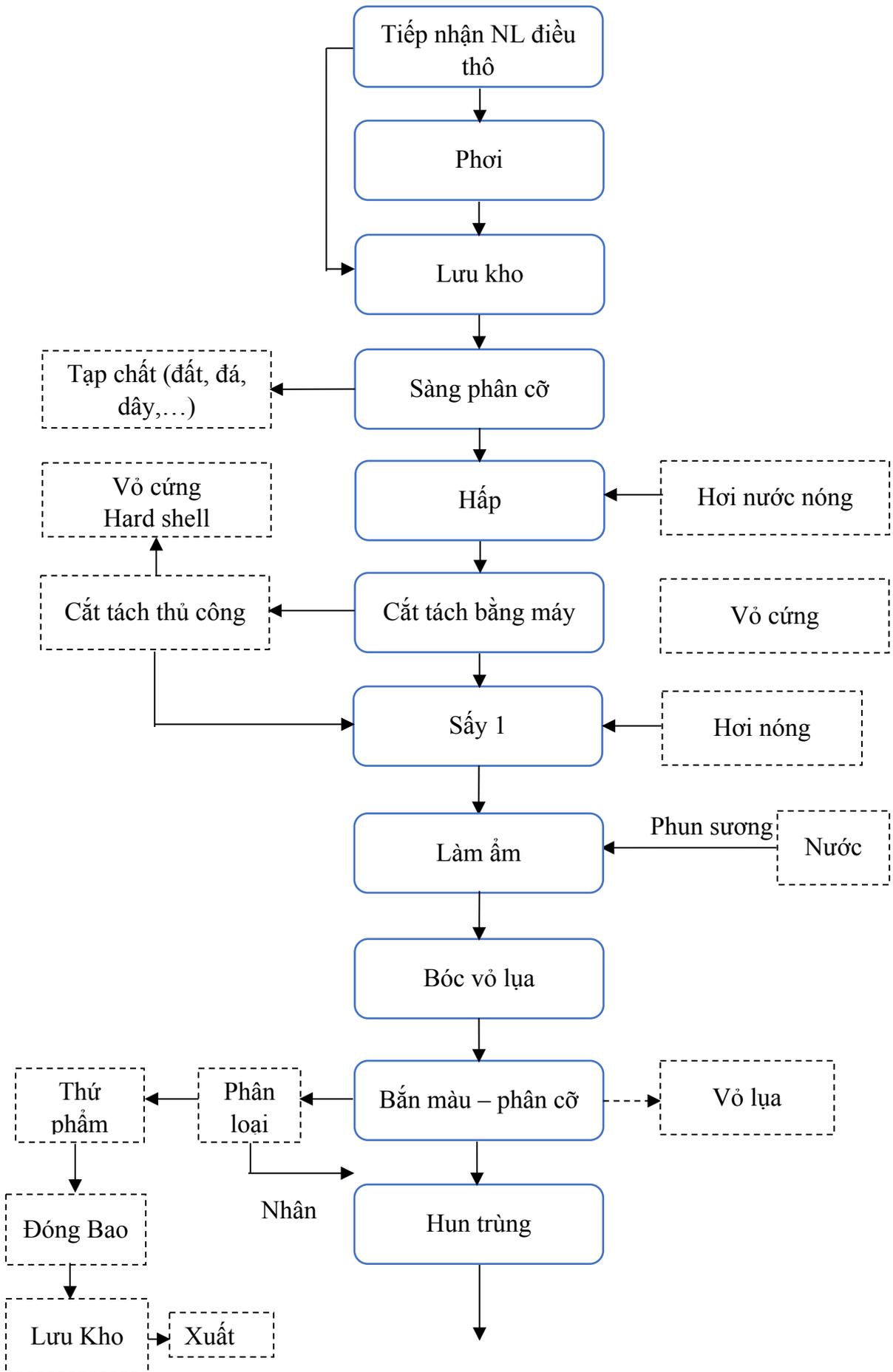
Công suất sản xuất của cơ sở được trình bày ở bảng sau:

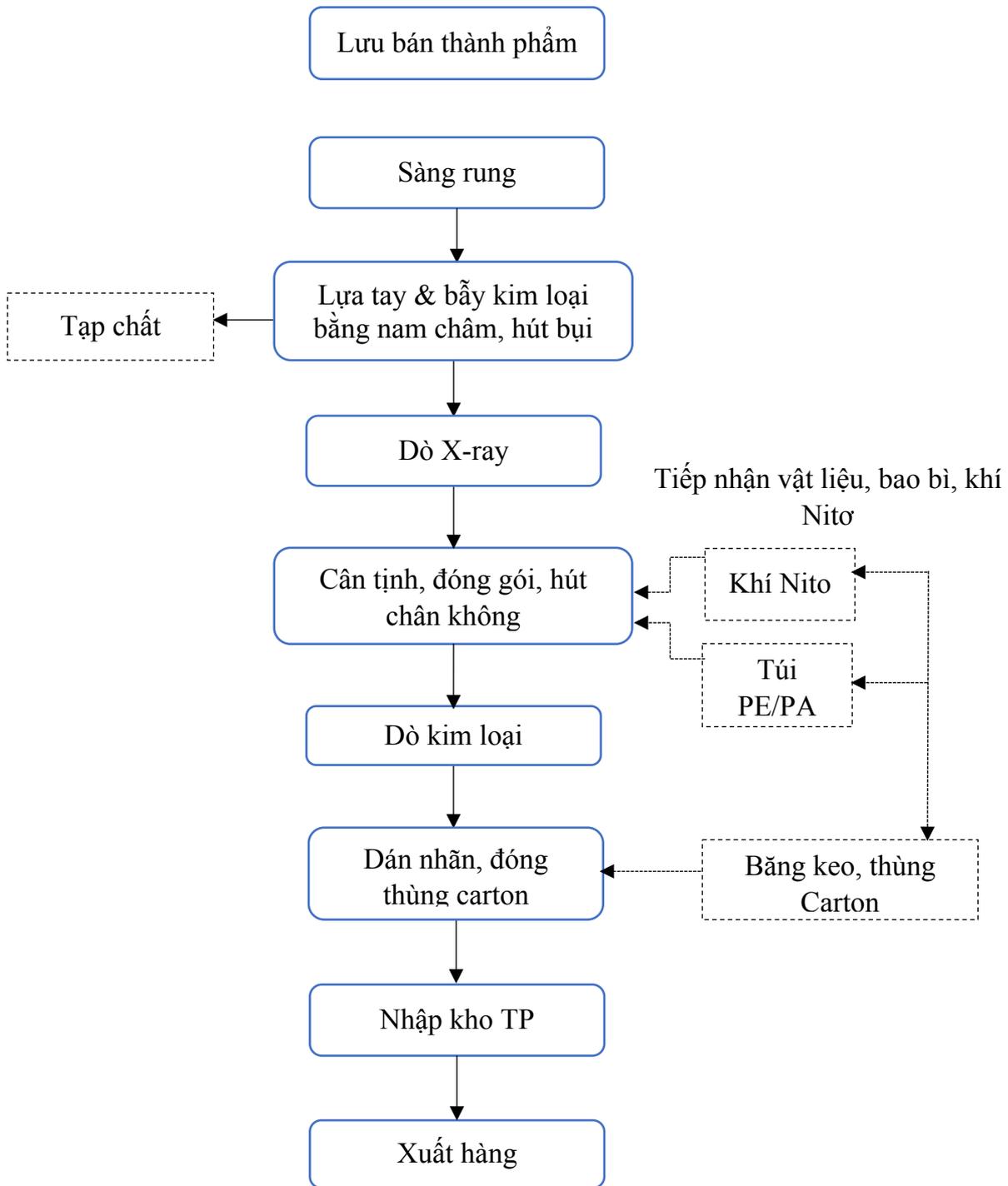
*Bảng 1.1. Công suất sản xuất của của cơ sở*

Stt	Loại sản phẩm	Đơn vị	Công suất	Ghi chú
1	Hạt điều nhân	Tấn/năm	1.800	-
<b>Tổng</b>		-	<b>1.800</b>	-

### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Cơ sở sản xuất sản phẩm hạt điều nhân, quy trình công nghệ sản xuất được trình bày bên dưới:





Hình 1. 2. Quy trình sản xuất hạt điều nhân

## Thuyết minh quy trình

### + Tiếp nhận điều thô nguyên:

Cơ sở nhập nguyên hạt điều tươi bằng xe tải không đóng bao và hạt điều khô bằng xe tải, container đóng trong các bao đay.

Nguyên liệu hạt điều thô được nhận nếu đáp ứng các yêu cầu về mặt cảm quan, tỉ lệ hạt khuyết tật, phế, hư hỏng, cỡ, ...

### + Phơi – Lưu kho:

Nguyên liệu điều thô có độ ẩm > 10% thì được phơi trong sân công ty đến khi đạt độ ẩm quy định ( $\leq 10\%$ ) cho lưu kho chứa.

Đối với nguyên liệu hạt điều thô khô trước khi nhập kho phải được kiểm tra chất lượng, độ ẩm đạt theo quy định mới tiến hành nhập kho (theo hợp đồng).

Nguyên liệu được lưu trữ trong các bao đay, nhận diện lô rõ ràng. Kho khô thoáng, sạch sẽ, kín, ...

+ **Sàng thô:** Nguyên liệu được phân loại sơ bộ bằng các máy phân kích cỡ.

+ **Hấp:** Nguyên liệu được gia nhiệt đều trong thiết bị xử lý áp suất nhiệt với áp suất 4,0 – 5,0 kg/cm<sup>2</sup> (hấp trong thời gian 20-25 phút đối với điều nhập và 40-45 phút đối với điều trong nước). Sau đó, nguyên liệu được đưa xuống nền làm nguội.

+ **Cắt tách:** Nguyên liệu được cắt vỏ cứng bên ngoài, tách lấy nhân bằng máy chuyên dụng. Công nhân cắt vỏ cứng bên ngoài, tách lấy nhân bằng phương pháp thủ công.

+ **Sấy:** Sản phẩm được sấy trong buồng đến khi đạt được độ ẩm sau sấy  $\leq 5\%$ , nhiệt độ sấy từ 60-75<sup>0</sup>C, thời gian sấy  $\leq 24$  giờ.

+ **Hồi ẩm:** Sản phẩm hạt điều sau sấy được đưa vào phòng hồi ẩm có trang bị hệ thống phun sương. Quá trình hồi ẩm được thực hiện trong 20-40 phút giúp hạt điều dẻo lại và giảm độ bề vỡ.

+ **Bóc vỏ lụa:** Sản phẩm được bóc lớp vỏ lụa bên ngoài với tỷ lệ bề của hàng nguyên là  $\leq 3\%$ , tỷ lệ sót lụa  $\leq 20\%$ .

+ **Bắn màu – phân cỡ:** Phân loại theo màu sắc và kích cỡ hạt.

+ **Phân loại – Tái phân loại:** Sản phẩm được phân theo màu sắc, kích cỡ quy định. Nếu sau bắn màu, màu sắc và kích cỡ vẫn chưa đạt yêu cầu, nhân điều sẽ được công nhân lựa tay để phân loại. Tại công đoạn này nếu hàng có độ ẩm > 5% sẽ tiến hành sấy đến độ ẩm quy định.

+ **Hun trùng:** Sản phẩm được xông hơi trong buồng xông hơi theo đúng liều lượng và thời gian quy định (thời gian 5 ngày, thời gian bay hơi  $\geq 48$  giờ, liều lượng phosphide với nồng độ 56%, từ 2 – 5 viên/tấn, trọng lượng mỗi viên 3g). Các lô hàng hun trùng có bảng nhận diện, ngày hun trùng, ngày kết thúc.

Phòng hun trùng phải sạch, kín.

+ **Lưu bán thành phẩm:** Bán thành phẩm được lưu lại trong kho để chờ qua các công đoạn sản xuất tiếp theo.

+ **Sàng rung:** Các bán thành phẩm được công nhân chuyển lên máy sàng (sàng rung có kích thước các lỗ 6,0mm – 8,0mm) để phân loại những mảnh nhân có kích thước nhỏ và to.

+ **Lựa tay & bẫy kim loại bằng nam châm, hút bụi:** Công nhân dùng nam châm hút các tạp chất như mạt sắt, ốc vít,... và kiểm tra lại kích cỡ, màu sắc theo tiêu chuẩn.

+ **Máy X-ray:** Sản phẩm sau đó được cho qua máy kiểm tra X-ray, nếu hàng còn lẫn tạp chất thì máy sẽ có chuông báo động, đồng thời loại bỏ tạp chất này ra ngoài.

+ **Đóng gói:** Cơ sở dùng bao PE/PA, thùng carton để đóng gói thành phẩm, sau đó sử dụng khí Nitơ để đóng gói và ghép mí gói thành phẩm.

+ **Cân tịnh, đóng gói hút chân không:** Sản phẩm được đóng gói thành các gói theo quy định. Các gói sản phẩm được hút chân không trước khi ghép mí.

+ **Dò kim loại:** Túi PE thành phẩm được đi qua máy dò kim loại. Nếu máy phát hiện tạp chất thì chuông sẽ báo động đồng thời cô lập sản phẩm và xử lý lại.

+ **Dán nhãn – đóng thùng carton:** Thành phẩm được cho vào thùng carton dán nhãn mác đầy đủ thông tin theo quy định.

+ **Nhập kho – Xuất kho:** Thành phẩm được chuyển vào kho, chất gọn gàng lên các pallet chờ xuất hàng. Thành phẩm được bảo quản trong kho thành phẩm theo thứ tự quy định. Khi có lệnh xuất hàng, công nhân chuyển các thùng hàng lên container và xuất bán.

Một số hình ảnh máy móc của cơ sở



Điều thô nguyên liệu



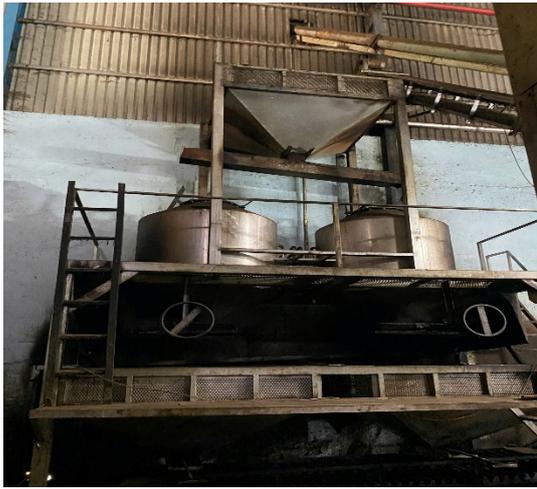
Máy bóc vỏ lụa



Sàng phân loại



Máy chẻ



Máy hấp



Máy làm ẩm



Lò sấy



Thành phẩm

*Hình 1.3. Một số hình ảnh máy móc của Cơ sở*

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở là các hạt điều nhân với công suất 1.800 tấn/năm.



*Hình 1.4. Hình ảnh minh họa sản phẩm của cơ sở*

**4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

**4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cơ sở:**

❖ Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu của Cơ sở thể hiện dưới bảng sau:

*Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở*

Stt	Tên nguyên liệu	Mục đích sử dụng	Xuất xứ	Quy đổi (tấn/năm)
1	Hạt điều thô	Nguyên liệu sản xuất	Việt Nam, Châu Phi	8.000
2	Bao tay, đồ bảo hộ	Bao tay nhân viên đóng gói + phân loại	Việt Nam	0,01
3	Thùng carton	Đóng hàng	Việt Nam	18,2
4	Bao bì đóng gói	Đóng hàng	Việt Nam	3
<b>Tổng cộng</b>				<b>8.021,21</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

**4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở**

*Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở*

Stt	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Mục đích sử dụng	Xuất xứ	Quy đổi (tấn/năm)
1	Hóa chất Qick Phos	Kg/năm	3	Sử dụng hun trùng hàng hóa	Ấn Độ	0,003
2	Khí Nitơ	Lít/năm	0,5	Đóng gói sản phẩm	Việt Nam	0,0005
<b>Tổng cộng</b>						<b>0,0035</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

*Bảng 1.4. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở*

Stt	Nguyên liệu		Chất thải			Sản phẩm	
	Tên nguyên liệu	Khối lượng (tấn/năm) (1)	Tên chất thải	Tỉ lệ hao hụt	Khối lượng (tấn/năm) (2)	Tên sản phẩm	Khối lượng (tấn/năm) (3)
1	Hạt điều thô	8.000	Vỏ hạt điều	77.75%	6.220	Hạt điều nhân	1.800
2	Bao tay, đồ bảo hộ	0,01	Bao bì thải	6%	0,0006		
3	Thùng carton	18,2	Thùng hỏng	1%	0,182		
5	Bao bì đóng gói	3	Bao bì hỏng	1%	0,03		
<b>Tổng</b>		<b>8.021,21</b>	-	-	<b>6.220,2126</b>	-	<b>1.800</b>

#### 4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện

- Nguồn cung cấp điện: Từ hệ thống lưới điện Quốc gia do Công ty điện lực Bình Phước cung cấp.
- Mục đích sử dụng: sử dụng cho thiết bị, máy móc sản xuất, phục vụ chiếu sáng và các thiết bị sinh hoạt.
- Lượng điện sử dụng: Căn cứ theo hóa đơn sử dụng điện từ tháng 10/2024 đến tháng 03/2025, lượng điện tiêu thụ trung bình của cơ sở khoảng 73.821 kWh/tháng, tương đương 2.84 kWh/ngày (Hóa đơn điện đính kèm theo phụ lục).

Bảng 1. 5. Thống kê lượng điện tiêu thụ Cơ sở

<b>Stt</b>	<b>Tháng</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Lượng điện tiêu thụ</b>
1	Tháng 10/2024	kWh/tháng	91.574
2	Tháng 11/2024	kWh/tháng	91.687
3	Tháng 12/2024	kWh/tháng	91.687
4	Tháng 01/2025	kWh/tháng	17.520
5	Tháng 02/2025	kWh/tháng	71.296
6	Tháng 03/2025	kWh/tháng	79.163
-	<b>Trung bình tháng (kWh/tháng)</b>		<b>73.821</b>
-	<b>Trung bình ngày (kWh/ngày)</b>		<b>2.84</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

#### 4.4. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước

- Nguồn cung cấp nước cho cơ sở được lấy từ nguồn nước giếng khoan trong khu vực của cơ sở.

- Nhu cầu sử dụng nước: Lượng nước sử dụng thực tế của cơ sở dùng cho hoạt động sinh hoạt, cấp nước cho Lò hơi.

Bảng 1.6. Cân bằng sử dụng nước của cơ sở

Stt	Mục đích sử dụng	Định mức	Quy mô tối đa	Lưu lượng nước cấp (m <sup>3</sup> /ngày)	Lưu lượng nước xả thải (m <sup>3</sup> /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân viên	Theo thực tế tại nhà máy, định mức sử dụng nước của 1 người chỉ dùng cho hoạt động đi vệ sinh là 0,015 m <sup>3</sup> /ngày Định mức xả thải: 80% lượng nước cấp	47 người	0,71	0,57	Cơ sở không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường, nước thải phát sinh được dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó được Công ty thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý
2	Nước cấp cho lò hơi	Theo thực tế	1 lò hơi	0,35	-	-
3	Nước cấp bổ sung cho lò hơi	30% lượng nước cấp	1 lò hơi	0,11	-	-
4	Nước thải từ khu vực hấp - sấy	Định mức xả thải: 0,01 m <sup>3</sup> /ngày	-	-	0,01	Cơ sở không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường, nước thải phát sinh được dẫn về bể gom, khi bể gom đầy, công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý
<b>Tổng</b>			-	<b>1,17</b>	<b>0,58</b>	-

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

❖ **Nhu cầu sử dụng nước cho PCCC:**

Theo QCVN 06:2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình lưu lượng nước cho chữa cháy là 15 lít/giây. đám cháy, tương đương 54 m<sup>3</sup>/giờ.đám cháy với 01 đám cháy trong 3 giờ liên tục.  $Q_{cc} = 54 \text{ m}^3/\text{giờ} \cdot \text{đám cháy} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3 \text{ giờ} = 162 \text{ m}^3$ .

**4.5. Nhu cầu sử dụng lao động**

Tổng số lao động làm việc tại cơ sở: 47 người.

Thời gian làm việc: 312 ngày/năm, 01 ca/ngày, 8 giờ/ca.

**5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

**5.1. Vị trí địa lý**

Khu đất của cơ sở có tổng diện tích 5811,8 m<sup>2</sup> nằm tại Khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Cơ sở có vị trí tiếp giáp như sau:

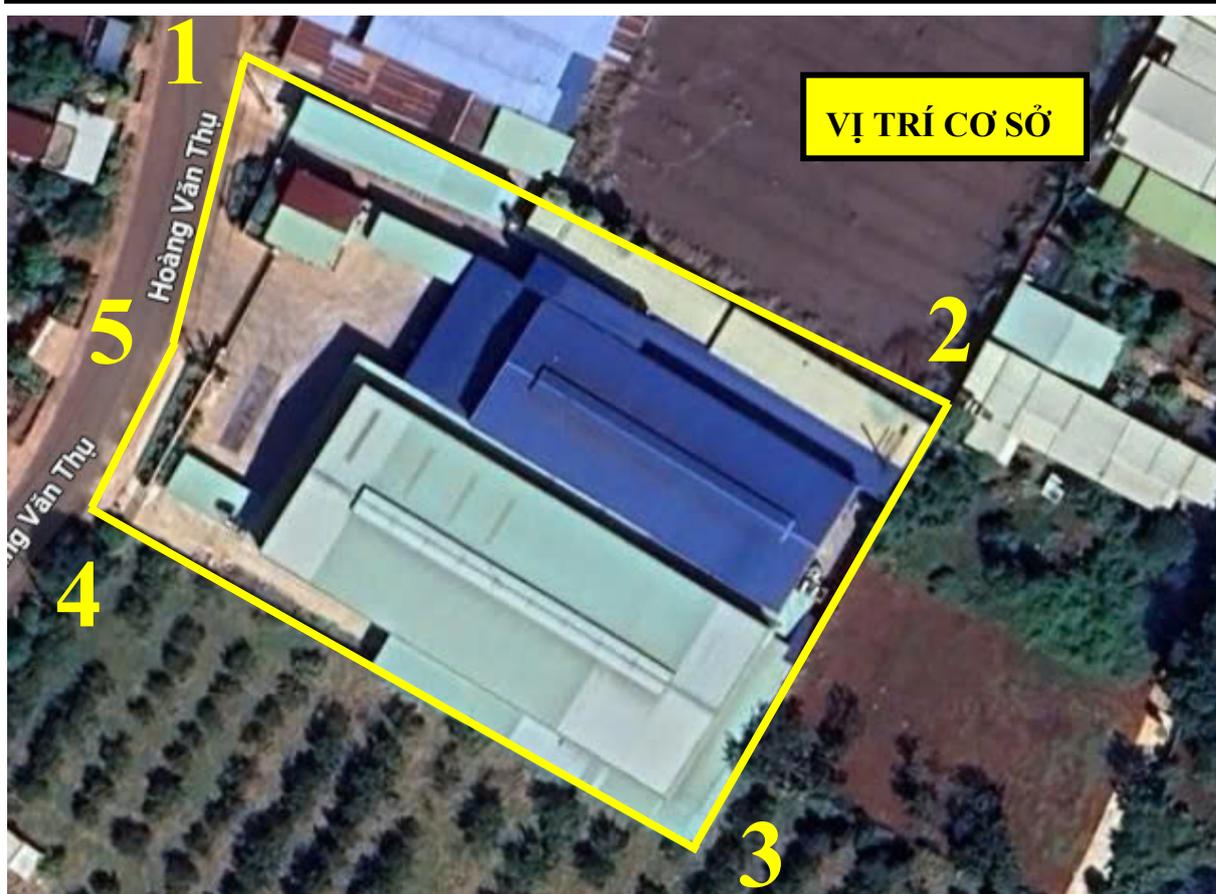
- Phía Đông giáp đất vườn;
- Phía Bắc giáp nhà dân;
- Phía Tây giáp đường Hoàng Văn Thụ;
- Phía Nam giáp đất trồng nông nghiệp.

Tọa độ địa lý của Cơ sở (tọa độ VN2000, kinh tuyến 106<sup>o</sup>15', múi chiếu 3<sup>o</sup>) như sau:

*Bảng 1.7. Vị trí tọa độ của Cơ sở*

Điểm	Tọa độ VN2000, múi chiếu 3 <sup>o</sup>	
	X (m)	Y(m)
1	1.305.555	576.738
2	1.305.506	576.833
3	1.305.448	576.800
4	1.305.494	576.721
5	1.305.518	576.730

*(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)*



Hình 1.5. Vị trí cơ sở trên bản đồ

## 5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở

Dự án có diện tích 1.100,0 m<sup>2</sup> tại Khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS-04687/CNTT. Các hạng mục công trình được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1.8. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Các hạng mục công trình chính</b>		
1	Nhà xưởng 1	500	45,45
2	Nhà xưởng 2	400	36,36
3	Kho nguyên liệu	100	9,09
<b>II</b>	<b>Công trình phụ trợ</b>		
1	Kho chứa chất thải nguy hại	9	0,82
2	Khu vực chứa nôi hơi	20	1,82
4	Khu vực lưu chứa rác sinh hoạt	5	0,45
<b>III</b>	<b>Sân bãi và cây xanh</b>		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.100,0</b>	<b>100</b>

### 5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
1	Nồi hấp hạt điều	Cái	03	Đang hoạt động
2	Nồi hơi	Cái	01	-Nt-
3	Máy cắt tách hạt điều	Cái	05	-Nt-
4	Lò sấy 4.000 kg	Cái	03	-Nt-
5	Máy sàng phân hạt	Cái	02	-Nt-
6	Máy đóng gói	Cái	01	-Nt-
7	Máy phân loại bắn màu nhân: Meyer 6SXZ – 120LD4	Cái	01	-Nt-
8	Máy dò kim loại: IMD-II-5025	Cái	01	-Nt-
9	Máy bóc vỏ lụa	Cái	02	-Nt-
10	Bàn chẻ hạt điều	Cái	04	-Nt-
11	Máy XRAY dò tạp chất	Cái	01	-Nt-
12	Máy phân loại bắn màu nhân điều: Meyer 6SXZ – 240KF	Cái	1	-Nt-
<b>Tổng</b>		<b>Cái</b>	<b>25</b>	<b>-</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

## CHƯƠNG II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

“Nhà xưởng chế biến hạt điều” tại Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Nhiên Lý làm chủ cơ sở phù hợp với định hướng, mục tiêu quy hoạch phát triển của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Quyết định số 518/QĐ-TTg ngày 16/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Phê duyệt đề án phát triển đô thị giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2023 về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050;

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3800652909 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 03 năm 2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Như vậy, địa điểm thực hiện cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

#### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường**

Cơ sở đã tách riêng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, Công ty thu gom và tập kết phía trước cổng, Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty TNHH SX TM DV Chiến Lược Xanh để thu gom xử lý theo quy định.

Đối với chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất: Vô điều được công ty bán cho Công ty TNHH TMSX Dầu Điều Thành Đạt, đảm bảo không phát sinh ra ngoài môi trường.

Công ty đã bố trí khu vực lưu trữ riêng đối với chất thải nguy hại với diện tích 4m<sup>2</sup>. Khu lưu chứa có bảng hiệu và trang bị thiết bị PCCC. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị để thu gom xử lý theo quy định.

Cơ sở với đặc thù sản xuất Khí thải tại cơ sở đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với  $K_v = 0,8$ ,  $K_p = 1,0$  – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

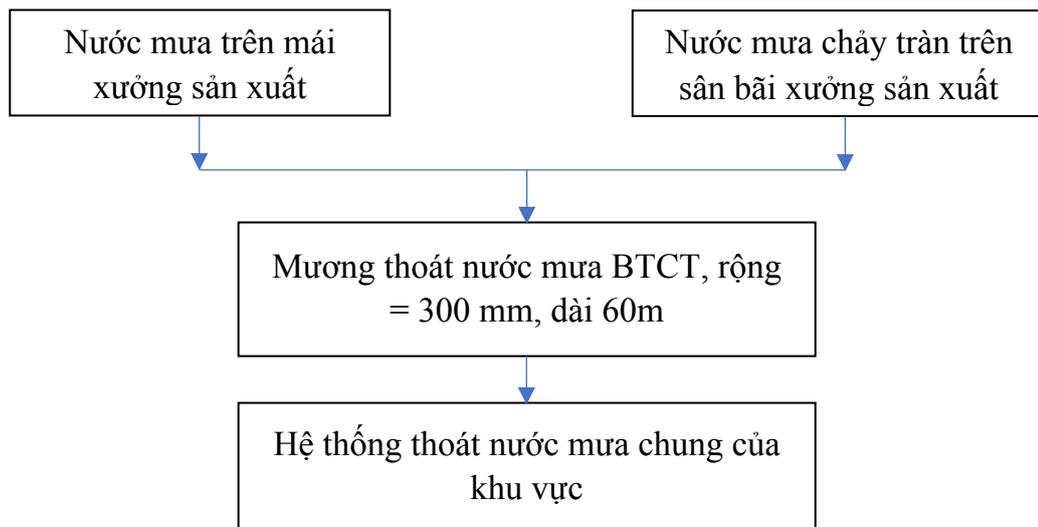
#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

##### 1.1.1 Thu gom nước mưa và thoát nước mưa

Nước mưa từ mái nhà được thu gom và dẫn về hệ thống mương thoát nước mưa bố trí xung quanh trong khuôn viên của cơ sở. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống công thu gom nước thải.

Nước mưa chảy tràn trên mái được thu gom theo máng xối và nước mưa chảy tràn trên sân bãi xưởng sản xuất theo độ dốc về hệ thống mương thoát nước mưa (mương) bố trí xung quanh khuôn viên (kích thước rộng 300mm), sau đó nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

Chủ cơ sở thường xuyên cho khai thông và nạo vét các mương thoát nước mưa để tránh tình trạng hệ thống thoát nước bị ứ đọng, gây ngập úng.



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

##### 1.1.2. Điểm xả nước mưa

- Phương thức chảy: Tự chảy.
- Vị trí xả nước mưa: 01 vị trí, phía trước cổng công ty, Khu phố 1, Phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa: X (m) = 1.305.518; Y (m) = 576.730.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

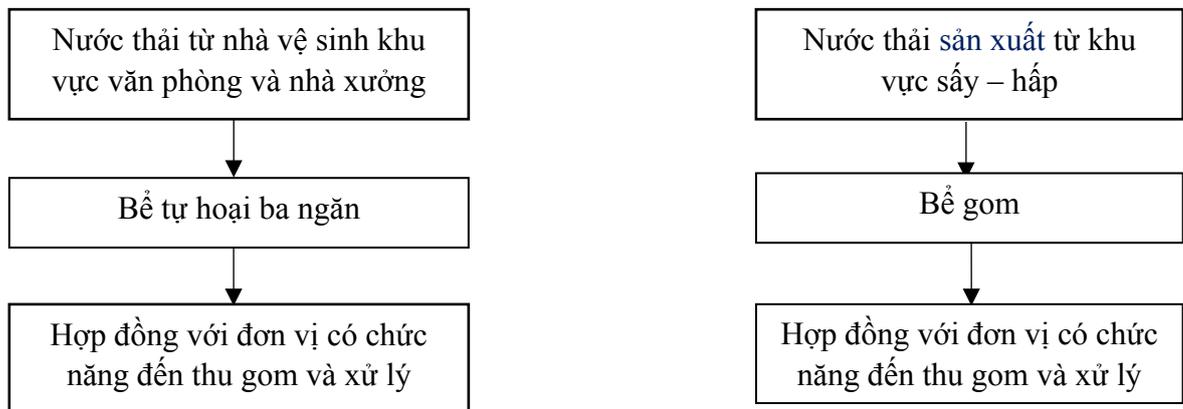
#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

### 1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Cơ sở chủ yếu phát sinh từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh của công nhân viên và nước thải từ quá trình hấp điều tại Cơ sở. Các nguồn phát sinh nước thải bao gồm:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh văn phòng, nhà xưởng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.
- Nguồn số 2: Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy - hấp với thể tích bể gom là 2m<sup>3</sup>. Định kỳ 1 - 2 tháng, cơ sở liên hệ đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải:



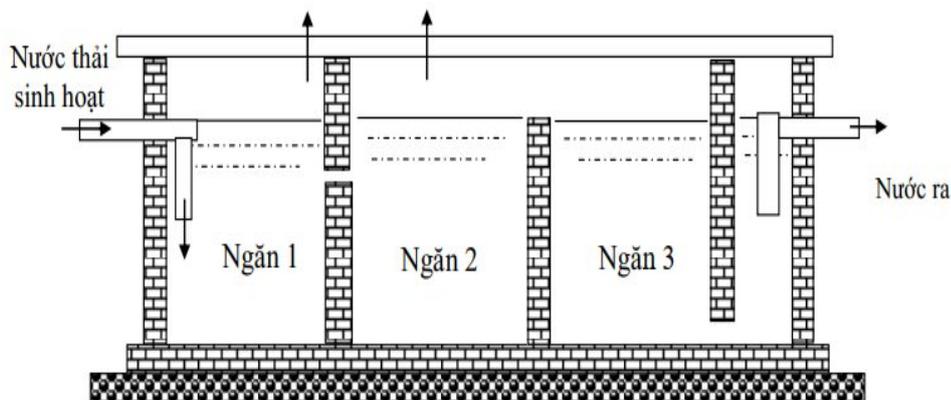
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

### 1.3. Xử lý nước thải

#### 1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

##### a. Bể tự hoại

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của công nhân viên (47 người). Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,57 m<sup>3</sup>/ngày (tương đương 80% lượng nước cấp cho sinh hoạt), toàn bộ nước thải này sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt của của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và lên men cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn lắng. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

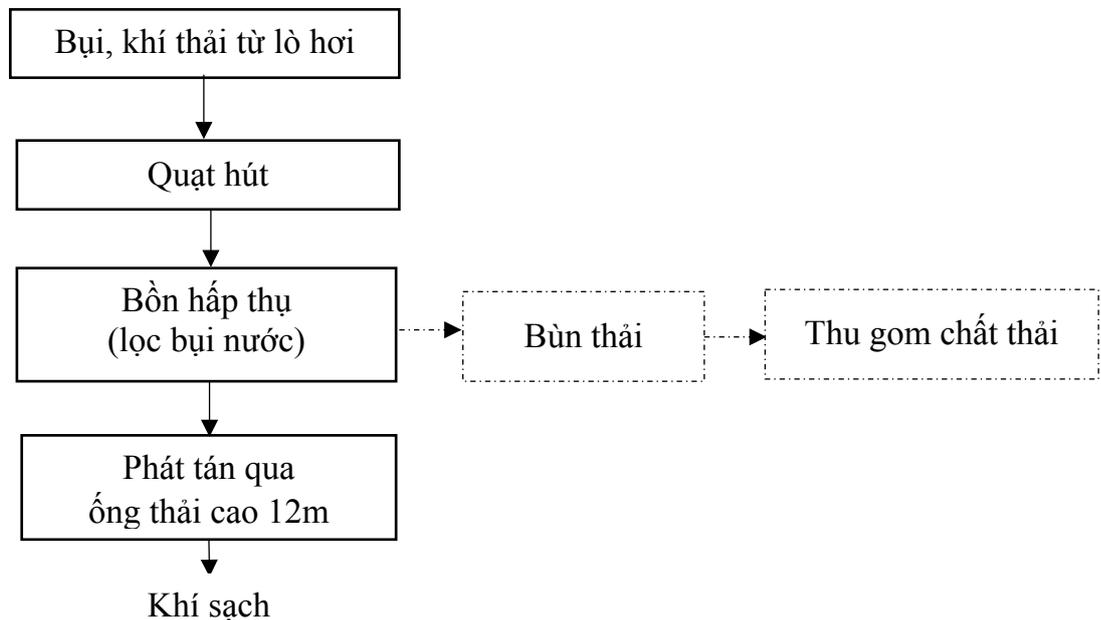
### 1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy - hấp với thể tích bể gom là 5m<sup>3</sup>. Định kỳ 6 – 8 tháng, cơ sở liên hệ đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

### 2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải từ lò hơi

Cơ sở sử dụng lò hơi công suất 1,5 tấn/giờ để cấp nhiệt cho hoạt động sấy và hấp hạt điều. Nguyên liệu để vận hành lò hơi là gỗ vụn, củi. Quy trình xử lý lò hơi như sau:



Hình 3.4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi

#### Thuyết minh quy trình:

Lọc bụi nước (hấp thụ bụi có kích thước nhỏ và khí thải (NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO) bằng nước): Khí thải sau khi qua quạt hút sẽ được chuyển trực tiếp sang bồn hấp thụ. Bồn hấp thụ có chứa nước, Dòng khí thải tiếp xúc nước thì các hạt bụi bị giữ lại trong nước sau đó rơi xuống bể chứa phía dưới và lắng cặn ở đáy bể, phần khí thải sạch được làm mát

bằng nước sẽ bị đẩy ngược lên trên theo ống trụ giữa thoát ra ngoài. Khí thải thoát ra ngoài môi trường bằng ống thải có đường kính 400mm, chiều cao 12m (tính từ mặt đất).

+ Thông số kỹ thuật của công trình xử lý bụi, khí thải đã được lắp đặt:

*Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã lắp đặt*

Stt	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Nguồn gốc
<b>I</b>	<b>Lò hơi đang hoạt động</b>				
1	Quạt hút	Cái	1	Công suất 5HP, điện áp 380 V, lưu lượng 11.000 m <sup>3</sup> /giờ, tốc độ quay: 1.440 vòng/phút	Việt Nam
2	Cyclone	Cái	1	-	
3	Bể hấp thụ	Cái	1	DxRxH=1,2x2,4x1,0m	Việt Nam
4	Ống thải	Ống	1	Đường kính D450mm, chiều cao 12m	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

+ Chế độ vận hành hệ thống xử lý: 8 giờ/ngày.

Định kỳ, Công ty sẽ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ hệ thống xử lý bụi trên. Tiến hành thay thế các thiết bị, phụ tùng cần thiết (quạt hút, bulong, ốc vít). Chất thải phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng như: dầu nhớt thải, giẻ lau, được đưa về kho chứa CTNH để lưu giữ.

Dưới đây là một số hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Cơ sở:



Hình 3.5. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Cơ sở

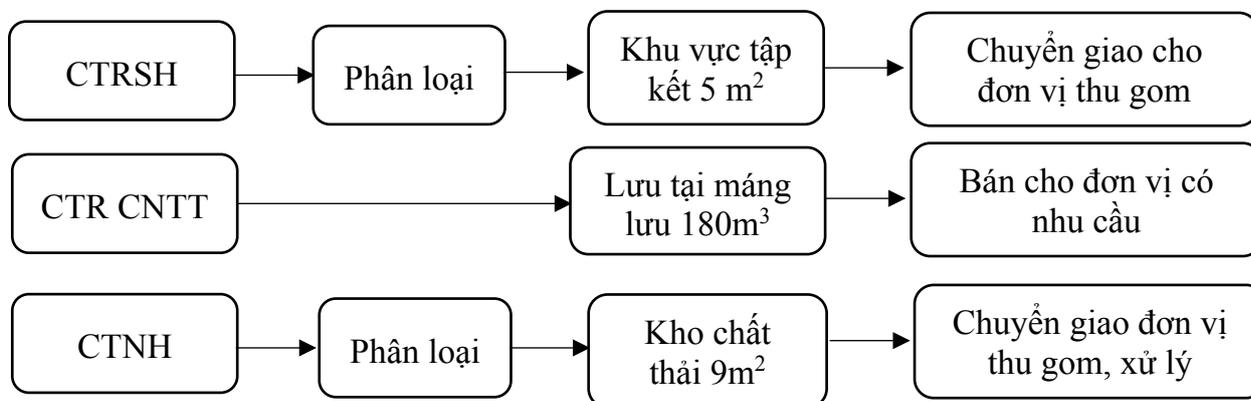
## 2.2. Bụi, khí thải từ quá trình bốc dỡ hàng, phương tiện giao thông

Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm của Cơ sở có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để hạn chế nguồn ô nhiễm này Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu để hạn chế bụi phát tán từ mặt đất,
- Thực hiện chế độ ra vào của phương tiện vận chuyển nguyên liệu hàng hóa: xe chạy chậm khi ra vào nhà máy, thực hiện tắt máy khi bốc dỡ hàng,
- Công nhân được trang bị đồ bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay,...trong lúc bốc dỡ hàng.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ, khu vực nhận, chở nguyên liệu hàng hóa.
- Các phương tiện di chuyển trong nhà máy được bảo trì thường xuyên và khuyến cáo sử dụng nhiên liệu an toàn, thân thiện với môi trường,
- Trong quá trình bốc dỡ hàng yêu cầu tắt máy không để máy nổ.
- Phun tưới đoạn đường giao thông trước cổng ra vào trong những ngày nắng nóng để giảm lượng bụi cuốn lên từ mặt đường.

### 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ khối lượng CTRSH, CTR CNTT và CTNH tại Cơ sở được phân loại, thu gom vào các thùng chứa ngay tại khu vực phát sinh. Sau đó, dựa vào đặc tính rác thải mà được lưu giữ tại nơi phù hợp, chi tiết phương án thu gom, xử lý chất thải tại cơ sở như sau:



#### 3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

Rác sinh hoạt được phân loại như sau:

- Những thành phần rác thải không thể tái chế như các loại thực phẩm dư thừa, các loại rau quả, trái cây,... có khả năng phân hủy sinh học và phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác được thu gom riêng và lưu giữ trong các túi rác.

+ **Thu gom:** Bố trí các thùng rác nhựa dung tích 60 lít đặt trong nhà vệ sinh, văn phòng để thu gom chất thải sinh hoạt. Cuối ngày (hoặc khi rác đầy) công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt đến khu tập kết trước cổng với diện tích 5 m<sup>2</sup> để chờ đơn vị thu gom đến thu gom. Công ty trang bị các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa HDPE dung tích 120 lít có nắp đậy kín tại các khu vực thường xuyên phát sinh.

Bảng 3.2. Số lượng thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty

Số lượng (Thùng)	Dung tích (lít)	Đặc điểm	Khu vực
4	60	- Màu xanh. - Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nắng. - Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng. - Thùng rác 60 lít, kích thước 0,42 x 0,42 x 0,63 (m). Vật liệu: Nhựa HDPE.	- 03 cái khu nhà xưởng. - 01 cái khu vực Văn phòng.

Số lượng (Thùng)	Dung tích (lít)	Đặc điểm	Khu vực
2	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu xanh.</li> <li>- Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nắng.</li> <li>- Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng.</li> <li>- Thùng rác 120 lít, kích thước 0,54 x 0,45 x 0,92 (m).</li> <li>Vật liệu: Nhựa HDPE.</li> </ul>	- 02 cái khu vực trước cổng

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

+ **Lưu trữ:** Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí gần cổng Cơ sở với diện tích khoảng 10 m<sup>2</sup> (thuộc phạm vi của Cơ sở).

+ **Xử lý:** Chất thải phát sinh được Công ty TNHH SX TM DV Chiến Lược Xanh thu gom và xử lý theo quy định với tần suất 4 ngày/lần.

➤ *Khối lượng phát sinh*

Khối lượng CTR sinh hoạt của cơ sở là 14,1 kg/ngày (bình quân 1 ngày mỗi người thải 0,3 kg/ngày, số lượng công nhân viên là 47 người).

Với khối lượng phát sinh 14,1 kg/ngày x 312 ngày/năm = 4.399,2 kg/năm (tương đương 4,4 tấn/năm).

Hiện tại công ty đã bố trí khu vực tập kết CTR sinh hoạt với diện tích khoảng 5 m<sup>2</sup>, gồm 02 thùng chứa bằng nhựa HPDE dung tích 120 lít màu xanh lá cây để lưu chứa CTR sinh hoạt hằng ngày.

### 3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

**Thu gom:** Vỏ hạt điều từ quá trình sản xuất được lưu tại máng thu trong dây chuyền sản xuất.

**Lưu trữ:**

- Công ty bố trí khu vực lưu chứa vỏ điều ở cuối nhà xưởng với diện tích 180m<sup>3</sup> bằng máng thu được làm bằng thép, cách mặt đất 4m, có mái che → Bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

**Xử lý:** Công ty TNHH Thương mại sản xuất Hoàng Thiên đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH TM SX Dầu điều Thành Đạt, tần suất thu gom dựa vào khối lượng chất thải phát sinh để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh (*Tần suất thu gom 1-2 lần/ngày*).

➤ *Khối lượng phát sinh*

Thành phần và khối lượng CTR CNTT tại Cơ sở được thể hiện dưới bảng sau:

*Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh*

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ điều	6.220	Rắn	14 04 03	TT - R
<b>Tổng</b>		<b>6.220</b>		-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

**4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh được trình bày tại bảng dưới đây:

*Bảng 3.4. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở*

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Điều kiện lưu chứa
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	< 100	Thùng carton
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn		Bao PE
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng		Can PE
4	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn		Bao PE
5	Pin thải	16 01 12	Rắn		Bao PE
<b>Tổng cộng</b>					-

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

➤ *Công trình, biện pháp lưu giữ*

**Thu gom:** Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại Cơ sở được thu gom đưa về khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

**Lưu trữ:** Kho chứa CTNH có diện tích 9m<sup>2</sup> (3m x 3m) cuối khu đất của Cơ sở. Kho chứa được xây dựng kiên cố, tường xây gạch kết hợp vách tôn, mái lợp tôn, chống nước mưa từ ngoài tạt vào.

Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.
- Số lượng thùng rác: Chủ cơ sở bố trí 4 thùng nhựa loại 240L để lưu chứa các loại chất thải phát sinh.

- **Xử lý:** Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ là xử lý CTNH với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị TP.HCM đến thu gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/lần. (Hợp đồng được đính kèm ở phụ lục)

## 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

### 5.1. Nguồn phát sinh

- **Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông**

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở như xe máy, xe hơi của cán bộ công nhân viên và khách, xe tải vận chuyển nguyên vật liệu tới Công ty và vận chuyển thành phẩm đi tiêu thụ. Đây là nguồn gây ồn không liên tục, thông thường các thời điểm phát sinh tiếng ồn từ hoạt động giao thông lớn là thời gian đầu và cuối mỗi ca sản xuất khi công nhân viên ra vào Công ty để làm việc và khi Công ty nhập xuất hàng tập trung.

Bảng 3.5. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới

Loại xe	Cường độ ồn (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
Xe vận tải	93	Từ 6h – 70h: 70
Xe moto 4 thì	94	Từ 21h – 6h: 55

(Nguồn: Tổ chức FHA (Federal Highway Administration), Mỹ, 1999)

**Nhận xét:** Qua số liệu thống kê ở bảng trên có thể thấy cường độ ồn của các loại xe cơ giới ra vào cơ sở vượt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Đây là nguồn phát sinh không liên tục, chỉ xảy ra trong thời gian rất ngắn nên tác động đến môi trường, con người là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở sẽ có những phương án cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa các tác động của tiếng ồn trong khu vực.

- **Tiếng ồn từ dây chuyền sản xuất**

Đối với hoạt động sản xuất của cơ sở, căn cứ vào quy trình sản xuất và danh sách các thiết bị, máy móc tại cơ sở được nêu ở Chương I, các nguồn phát sinh tiếng ồn được nhận định chủ yếu từ các công đoạn sau đây:

Bảng 3.6. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ
1	Từ hoạt động của máy sàng điều	X = 1.305.530; Y = 576.767
2	Từ hoạt động của máy chẻ	X = 1.305.532; Y = 576.779
3	Từ hoạt động của máy bắn màu	X = 1.305.538; Y = 576.791
4	Từ hoạt động máy đóng gói tự động	X = 1.305.489; Y = 576.789
5	Từ hoạt động của máy đánh lụa	X = 1.305.485; Y = 576.759
6	Từ hoạt động của máy nén khí	X = 1.305.486; Y = 576.750

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

Tiếng ồn sẽ gây những tác động tiêu cực đến công nhân làm việc trực tiếp tại xưởng nếu tiếp xúc trong thời gian dài. Tiếng ồn tác động đến tai, sau đó tác động đến hệ thần kinh trung ương, đến hệ tim mạch, dạ dày và các cơ quan khác. Mức ồn ảnh hưởng đến các bộ phận của cơ thể người cụ thể như sau:

Bảng 3.7. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số

STT	Mức ồn (dBA)	Tác động người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Ngưỡng chói tai
5	130 – 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
7	145	Giới hạn mà con người có thể chịu đựng được với tiếng ồn
8	150	Nếu mức chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng tai
9	160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm lâu dài

(Nguồn: Environmental technology series, 1993)

- **Độ rung**

Quá trình sản xuất của cơ sở sẽ phát sinh độ rung do va đập của các bộ phận cơ học của các loại máy móc, thiết bị và các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy.

Độ rung có thể gây ra những tác động có hại, cụ thể:

- Đối với con người: độ rung và tiếng ồn do rung có thể gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn giống trạng thái say tàu xe do thể đứng không vững, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe công nhân trực tiếp vận hành, hiệu suất làm việc cũng như lan truyền trên nền đất ra môi trường xung quanh.

## **5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Các biện pháp mà Cơ sở đã thực hiện nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung như sau:

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ 5km/h, không bóp còi;
- Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng và ngăn cách với các khu vực sản xuất khác. Tiếng ồn tạo ra từ mỗi quá trình sau khi đã được giảm thiểu bằng tường nhà che chắn và ở một khoảng cách nhất định sẽ giảm thiểu được tác động cộng hưởng.
- Các thiết bị, máy móc được lắp đặt các thiết bị chống ồn cần thiết, được đặt trên các bệ đỡ bê tông, có tác dụng hạn chế rung động;
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng máy, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị, máy móc bị mài mòn quá mức cho phép, bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ.
- Cách ly khu vực xưởng với các khu dân cư xung quanh tận dụng các khu đất trống, vành đai xung quanh để trồng cây xanh.
- Ngoài ra, xưởng còn trang bị nút bịt tai, chụp tai chống ồn,... cho công nhân vận hành tại các khu vực có độ ồn cao.
- Trồng cây xanh.

## **6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **6.1. Sự cố tại hệ thống thoát nước và bể tự hoại**

- Theo dõi và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại.
- Khơi thông, nạo vét các mương nước mưa.
- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom và thoát nước thải.

### **6.2. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ**

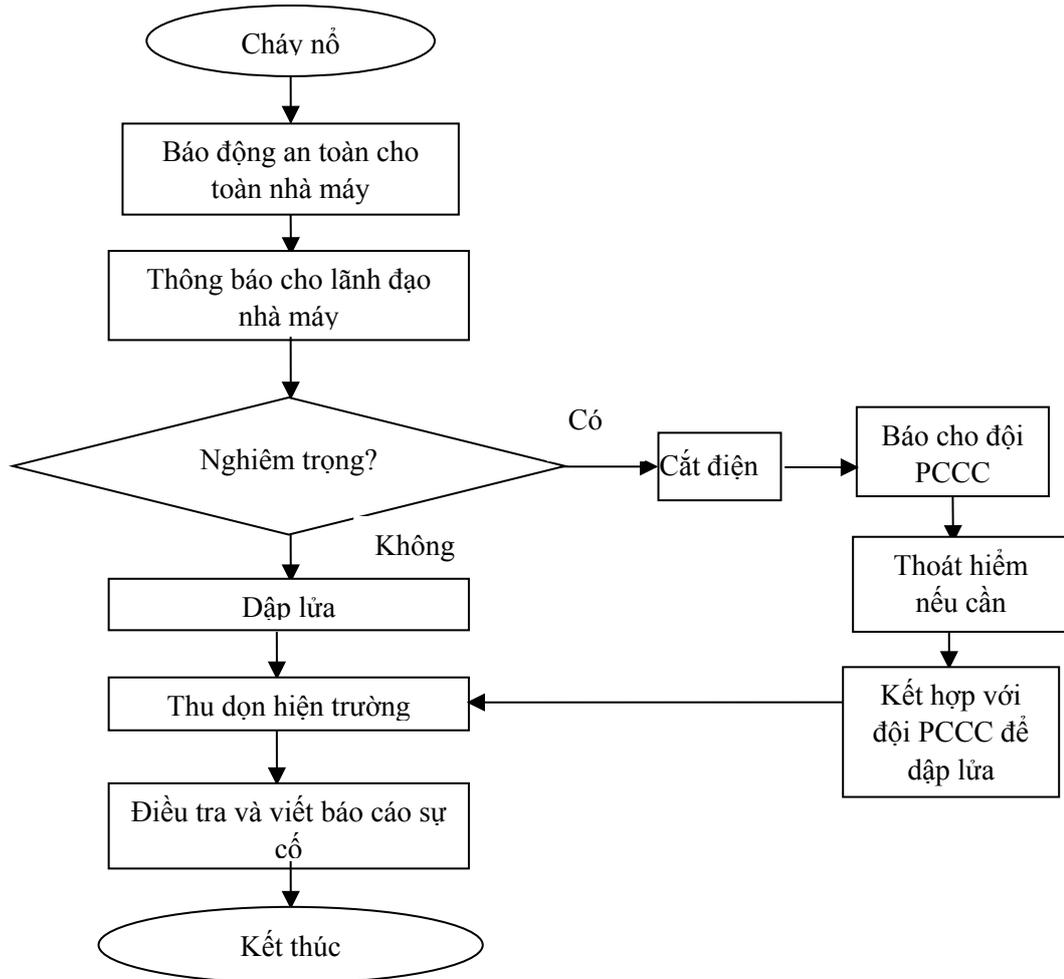
- ❖ **Phương pháp phòng chống cháy nổ**

- Để đảm bảo an toàn PCCC, song song với việc chấp hành nghiêm ngặt các quy định an toàn PCCC, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:
- Niêm yết nội quy PCCC, biển cấm lửa, cấm hút thuốc ở các khu vực dễ cháy.
- Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn cứu hộ phục vụ việc chữa cháy, thoát nạn, cứu người phù hợp với quy mô, tính chất nguy hiểm cháy.
- Xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu người trong tình huống xảy ra cháy phức tạp nhất.

❖ **Phương án ứng phó sự cố cháy nổ trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn:**

- Khi có sự cố cháy, nổ xảy ra: Người phát hiện đám cháy nhanh chóng báo động cho toàn thể cán bộ công nhân viên biết để có giải pháp xử lý sự cố cháy, nổ vừa xảy ra. Đồng thời, báo cháy đến cho đội chữa cháy chuyên nghiệp đến dập tắt đám cháy (trong trường hợp nhân viên đó không thể tự dập tắt đám cháy). Lực lượng bảo vệ nhanh chóng tập trung lực lượng, triển khai phương án chữa cháy theo các bước cụ thể như sau:
- Báo động cháy tại khu vực đang xảy ra cháy.
- Cúp điện toàn bộ khu vực xảy ra cháy.
- Gọi điện cho lực lượng Cảnh sát PC&CC theo số 114 và các đơn vị xung quanh đến hỗ trợ chữa cháy.

**Quy trình ứng phó khi có cháy**



Hình 3.8. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Thông báo: khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên đều có thể biết và thông báo qua điện thoại, báo động qua keng, chuông báo động, trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy tinh.

Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như bình chữa cháy, cát và nước để dập lửa. Trường hợp cháy ở mức độ nghiêm trọng thì đội PCCC sẽ liên hệ với cơ quan PCCC địa phương để phối hợp chữa cháy, dập cháy nhanh chóng, giảm thiểu các thiệt hại về người và tài sản.

Thu dọn hiện trường: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

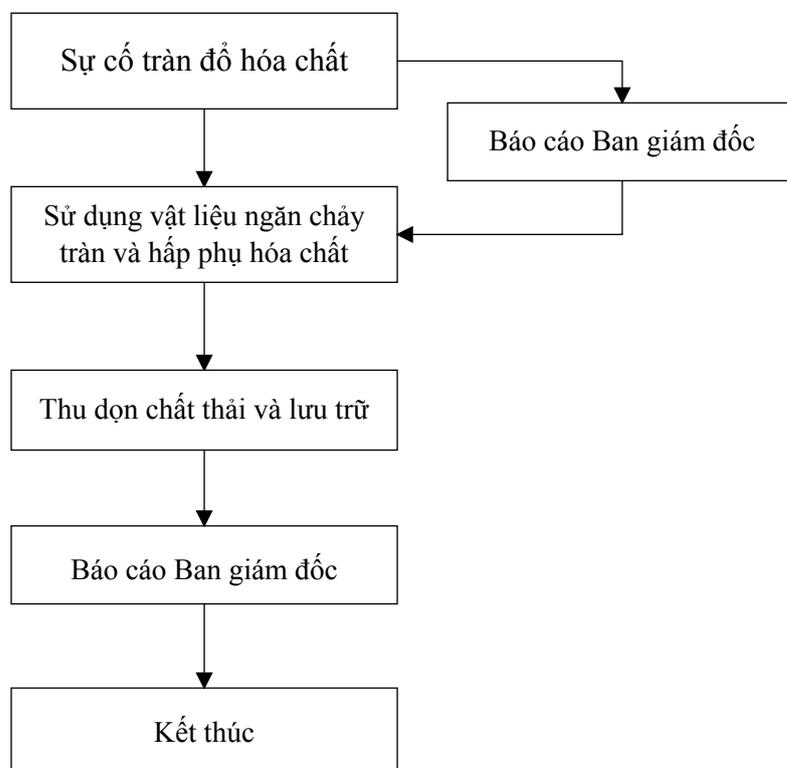
Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

### 6.3. Sự cố về hóa chất

Để tránh ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe công nhân, cơ sở đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa như sau:

- Lưu trữ hóa chất tại khu vực riêng biệt, đảm bảo điều kiện để hóa chất không xảy ra phản ứng và rò rỉ trong quá trình dự trữ
- Thông thoáng khu vực làm việc tại xưởng
- Mang kính bảo hộ, mặc đồ bảo hộ, mang gang tay, giày bảo hộ, khẩu trang chống công nhân trong quá trình làm việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.
- Khi tràn đổ hoặc rò rỉ hóa chất di dời các vật chứa ra khỏi khu vực, Dùng các chất hấp thụ (cát, đất,...) khi hóa chất tràn đổ
- Bao bì hóa chất sau khi sử dụng hết, được thu gom và lưu trữ tại khu vực lưu trữ CTNH.
- Phổ biến kiến thức và kỹ năng cho công nhân viên về an toàn hóa chất.

Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 3.9. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

#### 6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải

Để kiểm soát chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B. Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

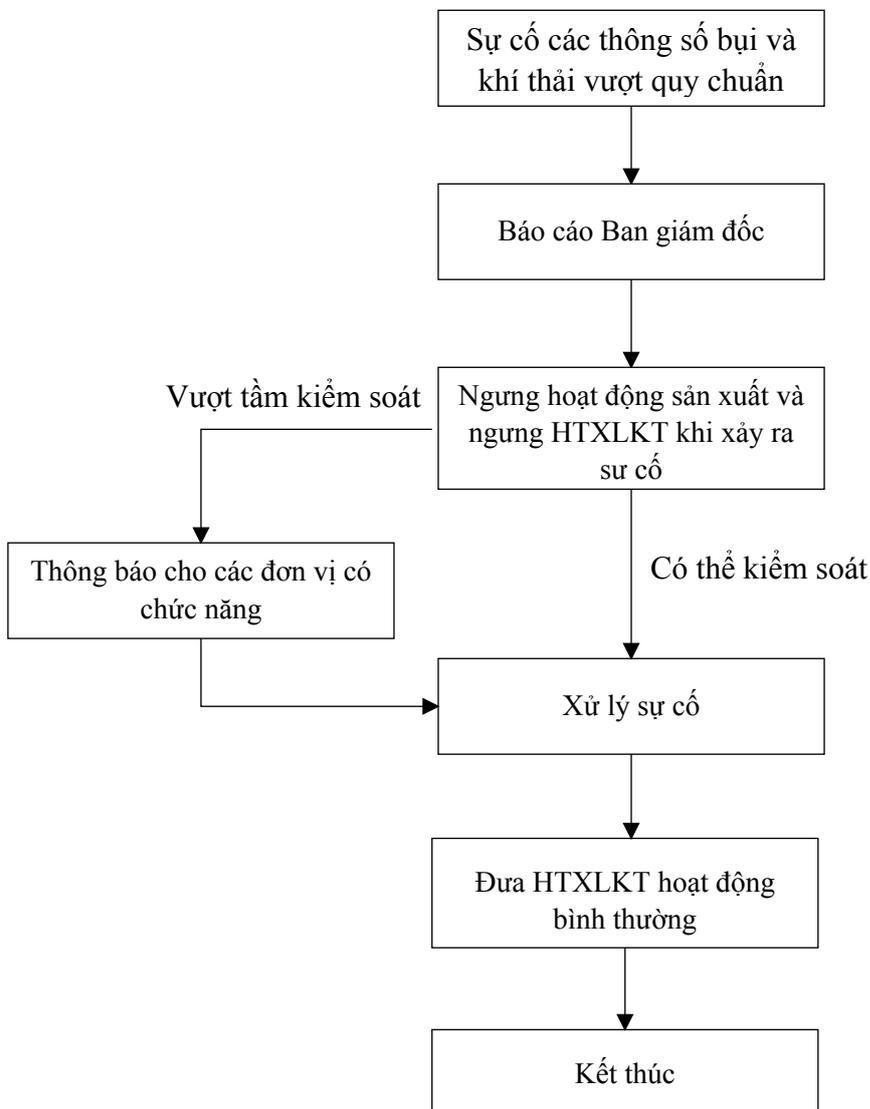
- Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra các chi tiết của hệ thống xử lý khí thải như quạt hút, máy bơm,... khi có phát hiện có thiết bị hư hỏng sẽ kịp thời sửa chữa và thay thế.

- Định kỳ theo ca, ngày làm việc nhân viên vận hành hệ thống XLKT và bảo trì có trách nhiệm kiểm tra tình trạng các thiết bị, các đường ống, tình trạng của các thiết bị xử lý để kịp thời xử lý khi có hiện tượng như rò rỉ, rách thùng, hư hại do quá trình vận chuyển, tuổi thọ công trình hoặc do va đập.

**a. Quy trình vận hành ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải**

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 109 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hiện nay, Công ty đã thành lập đội ứng phó sự cố môi trường với các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố đối với các hệ thống xử lý bụi và khí thải như sau:

**❖ Sự cố bụi và khí thải sau hệ thống xử lý vượt quy chuẩn.**



Hình 3.10. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

**b. Sự cố lò hơi**

Các sự cố có thể xảy ra trong quá trình vận hành lò hơi của cơ sở như sau:

*Bảng 3.9. Một số sự cố điển hình với lò hơi*

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
1	Cạn nước nghiêm trọng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thủy sáng không còn nước mà chỉ còn một màu sáng óng ánh khi quan sát</li> <li>- Mở van thấp nhất của ống thủy tối không có nước chảy ra mà chỉ có hơi phụt ra.</li> <li>- Áp suất hơi tăng nhanh, van an toàn tác động liên tục.</li> <li>- Toàn bộ nồi hơi nóng hơn mức bình thường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nhân vận hành không theo dõi ống thủy để cấp nước thêm kịp thời.</li> <li>- Van xả đáy không kín.</li> <li>- Bơm cấp nước hỏng, bơm vẫn chạy nhưng nước không vào được nồi hơi.</li> <li>- Hệ thống ống cấp nước bị tắt hoặc bồn chứa nước trung gian không đủ nước, bơm không có tác dụng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành thông rửa ống thủy</li> <li>1. Nếu thấy nước lấp ló chân ống thủy sang thì nồi hơi chưa cạn nước tới mức nghiêm trọng. Trường hợp này tiến hành cấp nước bổ sung phân đoạn kết hợp với việc xả đáy phân đoạn, đồng thời giảm cường độ đốt bằng cách giảm lượng dầu cung cấp cho béc đốt hoặc tắt hẳn béc đốt. Khi mực nước trở lại vị trí trung gian của ống thủy sáng, cho nồi hơi hoạt động trở lại bình thường.</li> <li>2. Khi tiến hành thông rửa ống thủy mà không thấy nước trong ống thủy, mở nhanh van thấp nhất của ống thủy cũng chỉ thấy hơi phụt ra thì nồi hơi bị cạn nước nghiêm trọng. Trong trường hợp này cần cấm tuyệt đối cấp nước bổ sung, công nhân vận hành cần nhanh chóng thao tác ngừng các sự cố như sau:</li> </ul>

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
				<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đóng lá hướng khói, tắt quạt gió.</li> <li>• Tắt béc đốt, ngừng cung cấp dầu cho béc đốt.</li> <li>• Đóng van hơi chính.</li> <li>• Đóng tất cả cửa tránh không khí lạnh lọt vào buồng đốt.</li> </ul> <p>Sau khi ngừng lò do sự cố, cần để thời gian cho nồi hơi nguội từ từ. Khi áp suất giảm dưới tới mức làm việc bình thường, cần kiểm tra các bộ phận liên quan, đặc biệt các bề mặt tiếp xúc nhiệt, sau đó tiến hành xử lý như trường hợp trên.</p> <p>Khi xác định van xả đáy không kín, nước chảy mạnh qua đường xả đáy hoặc van một chiều không kín, đường cấp nước (từ bơm tới nồi hơi) nóng quá mức bình thường, phải tiến hành ngừng hoạt động. Xử lý giống trường hợp cạn nước nghiêm trọng.</p>
2	Mức nước quá đầy	- Nước ngập ống thủy và nghe thấy tiếng va đập thủy lực bên trong nồi hơi.	- Khi tiến hành cấp nước bổ sung nước cho nồi hơi, công nhân không quan sát ống thủy sáng để ngưng bơm kịp thời.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông rửa ống thủy, giảm bớt cường độ đốt, xả đáy để mức nước bình thường trở lại.</li> <li>2. Xả nước trên đường cấp hơi, cho nồi</li> </ol>

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp suất hơi giảm, hơi nước cấp bên trong tiêu thụ lẫn nhiều nước ngưng.</li> <li>- Đỉnh ống thủy có bọt khí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cường độ đốt cao, bên sử dụng ít hoặc ngưng sử dụng nồi hơi. Trong trường hợp này mức nước trung bình của ống thủy có thể vượt quá mức cho phép cao nhất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>hơi hoạt động trở lại</li> </ul>
3	Ống thủy báo mức nước giả tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức nước trong ống thủy đứng yên, không giao động lên xuống.</li> <li>- Hai ống thủy sáng báo hai mức nước khác nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong các ca vận hành, công nhân không thực hiện thông rửa ống thủy.</li> <li>- Ống thủy bị tắt sau khi thông rửa.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiến hành thông rửa ống thủy, sau khi thông, mức nước trong ống thủy phải dao động. Căn cứ vào mức nước này, biết nồi hơi đang trong tình trạng nào để xử lý tiếp.</li> <li>2. Đặc biệt chú ý: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi ca vận hành cần thông rửa ống thủy đầu ca và giữa ca như quy định trong quy trình vận hành.</li> <li>- Mức nước giả tạo trong ống thủy nếu không phát hiện kịp thời sẽ dẫn đến các sự cố đầy nước quá mức hoặc cạn nước nghiêm trọng, nếu không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến hậu quả vỡ nồi hơi.</li> </ul> </li> </ol>
4	Áp suất tăng quá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Van an toàn tác động liên tục, đồng hồ áp lực</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Van an toàn không tác động hoặc tác động không kịp thời, tác động</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giảm cường độ đốt, đóng lá hướng</li> </ol>

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
	mức cho phép	chỉ trị số cao hơn áp suất làm việc bình thường.	không hết công suất do kẹt. - Cường độ đốt tăng quá mức bình thường. - Bên tiêu thụ ngừng việc lấy hơi, trong khi bên cung cấp vẫn hoạt động.	khói. 2. Mở van xả khí hoặc mở cưỡng chế van an toàn (bằng tay). 3. Xả đáy gián đoạn kết hợp với cấp nước bổ sung.
5	Phồng, nổ ống của phần trao đổi nhiệt	- Nhìn qua cửa kiểm tra vào buồng đốt thấy bộ phận của diện tích tiếp nhiệt bị phồng.  - Hoặc nghe thấy tiếng nổ ống sinh hơi (ống lò, ống lửa) bên trong lò, hơi nước thoát ra ống khói, áp suất tụt nhanh.	- Trong các đợt định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, không làm vệ sinh sạch cầu cạn, bắn trên bề mặt kim loại của phần bị đốt nóng.  - Không phát hiện được các chỗ yếu cục bộ do ăn mòn để xử lý trước.  - Chất lượng nước cấp không đảm bảo.  - Nồi hơi trong tình trạng cạn nước nghiêm trọng.	1. Tiến hành thao tác ngừng lò sự cố bằng cách: + Tắt béc đốt + Tắt quạt gió + Đóng lá hướng khói 2. Khi nồi hơi có chỗ phồng thì nhanh chóng hạ áp suất bằng cách mở van xả khí và cưỡng chế mở van an toàn. 3. Để nguội nồi, tiến hành kiểm tra và sửa chữa chỗ phồng.
6	Nổ vỡ ống thủy sáng	- Nghe tiếng nổ vỡ ống thủy tinh, nước và hơi bốc ra mù mịt.	- Lắp ống thủy tinh không đồng tâm nên ống thủy tinh bị nứt.  - Do nước lạnh bắn vào hoặc do vật cứng va vào.	1. Đóng các đường hơi và đường nước để thay ống thủy mới 2. Không có ống thủy dự trữ thì ngừng hoạt động nồi hơi.

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
7	Áp kế bị hỏng hoặc không chính xác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt kính bị vỡ.</li> <li>- Khi kiểm tra áp kế, lúc ngắt kim không trở về vị trí số 0 mà lệch với vị trí “0” trị số lớn hơn ½ trị số cho phép.</li> <li>- Hơi và nước tràn đầy mặt kính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không kiểm định đồng hồ hằng năm.</li> <li>- Do tác dụng của ngoại lực.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trong trường hợp mặt kính bị vỡ, nhưng áp kế vẫn hoạt động tốt cho phép làm việc đến hết ca.</li> <li>2. Các trường hợp khác phải thay áp kế mới và báo cho nhà cung cấp.</li> </ol>
8	An an toàn hỏng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng không kín khi áp suất chưa cao quá mức cho phép.</li> <li>- Vượt quá áp suất cho phép mà vẫn không làm việc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bề mặt tiếp xúc của van bị mòn không đều, bị vênh.</li> <li>- Kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí do bẩn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại van xả một lần nữa bằng cách mở van lên, đóng xuống thật chặt (bằng tay không) nếu thấy van xả vẫn rò rỉ mạnh thì phải đóng ngay van chặn (lắp sát nồi hơi) và đóng cả van xả lại nghe nóng thêm 1 lát nữa. Nếu nước vẫn thoát ra liên tục thì nhanh chóng chạy bơm nước bổ sung vào nồi hơi và ngừng lò sự cố. Trong quá trình giảm nhiệt độ phải chú ý bơm cấp nước bổ sung vào nồi hơi, giữ cho mức nước trong nồi luôn luôn trên mức trung bình.</li> <li>- Nếu xác minh rõ ràng là chỉ có một van xả ngoài bị hỏng thì có thể đóng chặt van</li> </ul>

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
				chặn ở trong lại. sửa chữa hay thay thế van xả đáy, rồi cho hai này làm việc thử thấy thì cho nồi hơi làm việc lại như thường, nhưng phải hết sức chú ý đề phòng bị hỏng
9	Cụm van cấp nước bị hỏng	<p>- Cụm van cấp nước gồm có 1 van chặn (hay còn gọi là van liên thông) và 1 van 1 chiều (hay còn gọi là van triệt hơi), van 1 chiều lắp sát nồi hơi.</p> <p>- Khi cụm van này bị hỏng thường gây ra hiện tượng hơi nước trong nồi hơi rò trở lại bơm cấp nước qua hệ thống ống cấp nước, khi đường ống này nghỉ, 2 van đã đóng chặt nhưng vẫn thấy đường ống nóng bỏng.</p>	<p>- Bề mặt tiếp xúc của van bị mòn, không đều, bị vênh.</p> <p>- Kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí do bẩn.</p>	<p>- Tạm thời để cho nồi hơi đó làm việc đến kỳ sửa chữa gần nhất, nhưng không quá 1 tháng, đồng thời phải có biện pháp bảo vệ bơm cấp nước không bị hỏng do nước quá nóng, bằng cách thỉnh thoảng xả nước nóng đọng trong hệ thống ống cấp nước và trong bơm ra ngoài, khí phải sửa chữa những bộ phận của hệ thống đường ống hay bơm cấp nước, phải xả được hết còn lại trong ống ra ngoài mới tiến hành sửa chữa.</p> <p>- Nếu cụm van này bị hỏng nặng, nước hơi rò ra rất mạnh hay ngược lại bơm nước không vào, nhiệt thiết phải ngừng lò sự cố.</p>

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
10	Chảy dính chì ở Balông	- Chân dính có hiện tượng chảy.	- Dính chì có tác dụng bảo hiểm cho Balông (hay của ống lò) trong trường hợp cạn nước nghiêm trọng, trong trường hợp người công nhân vận hành.	<p>1. Đối với nồi hơi có dính chì bảo hiểm, việc chảy dính chì là sự cố hết sức nghiêm trọng, làm giảm tuổi bền đáng kể của thiết bị.</p> <p>2. Trong trường hợp này phải báo cho thanh tra ATLD đến lập biên bản, tổ chức điều tra sự cố, kiểm tra lại độ bền của nồi hơi, tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa mới được phép vận hành lại.</p>
11	Sụt tường, cuốn lò, hỏng các phần trong lò	- Khi tường, cuốn lò bị sụt thì nghe thấy tiếng động khác thường trong buồng lửa, ống dẫn khí thải, đồng thời thấy lửa khói lửa ra khỏi cửa cấp nguyên liệu, tùy theo tường cuốn sụt nhiều hay ít, lửa sẽ lửa ra dài hay ngắn. Nếu tường cuốn lò bị sụt mà không phát hiện kịp thời có thể gây ra hiện tượng nứt tường lò nghiêm	<p>- Chủ yếu là do xây lắp không đúng quy cách: để mạch gạch quá rộng (trên 3mm), vữa gạch chịu lửa chọn không đúng công thức, gạch dính hình xây các cuốn lò không đúng hình dáng thiết kế cuốn lò...</p> <p>- Do các vật chằng giữ đỡ tường, cuốn lò bị hỏng làm cho tường cuốn bị sụt.</p> <p>- Do các bộ phận dẫn nở trong nồi hơi bị chèn ép, bị các tường cuốn chèn đặt lại.</p> <p>- Do gạch và các chất bảo ôn (amiang</p>	<p>- Nếu tường cuốn lò các phần bảo ôn bị sụt ít, nhẹ, không làm lộ những khung, giá, bệ đỡ... bằng kim loại ra, đường lửa khói chạy và không có nguy cơ làm nứt tường lò phía ngoài, thì cho phép lò làm việc tiếp đến kỳ sửa chữa gần nhất, nhưng không quá 1 tháng.</p> <p>- Nếu tường, cuốn lò, các phần bảo ôn bị sụt nhiều, nặng, làm cản trở việc thoát khói trong nồi hơi, làm cho các khung, giá, bệ đỡ của nồi hơi bị nóng đỏ, phải ngừng lò sự cố để sửa chữa.</p>

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
		<p>trọng, cháy đỏ những giá đỡ khung lò hơi....</p> <p>- Khi các phần trong lò bị hỏng, kiểm tra thấy các sợi amiang của các ống xả đáy nồi (nằm trong lò hơi).</p>	<p>sợi, amiang tẩm) đã quá cũ, bị ẩm nhiều lần khi sửa chữa, chưa được thay vật liệu mới.</p>	
12	Đường thoát khí thải bị nghẹt	<p>- Có hiện tượng khói phì ra cửa đốt, đặc biệt khi bật quạt lò và khi mở cửa lò, ống thải thoát khí yếu.</p>	<p>- Do van gió trong đường ống bị bít lại hoặc có vật lạ rơi vào gây nghẹt đường ống.</p>	<p>- Vệ sinh định kỳ ống lửa, buồng lửa, buồng khói, đường thoát khói.</p> <p>- Trong trường hợp bị tắc nghẽn, phải ngừng lò và làm vệ sinh</p>

(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)

• **Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi**

- Trong quá trình vận hành, thường xuyên theo dõi mực nước trong nồi hơi thông qua ống thủy nhằm tránh sự cố cạn nước làm cháy nồi hơi, gây hiện tượng cháy nổ do khi đó độ bền của vỏ nồi hơi giảm xuống, còn áp suất bên trong tăng lên.

- Đào tạo chuyên môn cho người vận hành lò hơi để họ nắm được khi xảy ra sự cố cạn nước trong nồi hơi, tuyệt đối không được đổ thêm nước vào nồi, bởi ở nhiệt độ cao, nước bốc hơi nhanh làm cho áp suất trong bình tăng cao đột ngột dẫn đến nổ lò hơi. Bên cạnh đó, người vận hành cần nhanh tay mở van an toàn áp trong nồi hạ xuống.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn hơi, tránh rò rỉ hơi nước ra ngoài.

- Định lượng chính xác lượng chất đốt đưa vào buồng đốt trong khoảng cho phép, tránh việc cho quá nhiều hoặc cho liên tục sẽ làm lượng nhiệt cấp tăng lên, dẫn đến áp suất trong nồi hơi tăng làm nguy cơ cháy nổ.

- Định kỳ 1 tháng vận hành phải kiểm tra lại toàn bộ lò hơi 1 lần. Chú ý các loại van ống thủy, áp kế và ống sinh hơi có hiện tượng rò rỉ hay không.

- Từ 3 – 6 tháng vận hành phải ngừng lò kiểm tra sửa chữa đột xuất nếu có hiện tượng hư hỏng các bộ phận áp lực của lò hơi có nguy cơ gây tai nạn nghiêm trọng.

- Quá trình vận hành lò, đặc biệt lưu ý khi thời tiết nắng nóng sẽ dễ gây ra các sự cố.

**Một số kịch bản sự cố có thể xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải của lò hơi và cách khắc phục như sau:**

*Bảng 3.10. Một số kịch bản sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi*

STT	Kịch bản sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Sự cố tại buồng đốt làm xuất hiện khói đen	- Nhiệt độ buồng đốt bất thường, tầng số cấp nhiên liệu bất thường, tầng số quạt cấp 1 bất thường, áp suất quạt cấp 1 bất thường	- Ngừng cấp nhiên liệu vào lò đốt, tắt quạt hút khói, tắt quạt cấp. - Kiểm tra lại lượng oxy cấp vào lò thông qua quạt cấp 1, cấp 2
2	Sự cố đối với cyclone, tháp hấp thụ nồng độ bụi cao, vượt quy chuẩn	- Do hệ thống cyclone gặp sự cố, bị kẹt dính, van xả bụi không hoạt động - Máy bơm cấp nước cho tháp hấp thụ không hoạt động	- Tiến hành kiểm tra van xả bụi sau đó tiến hành khắc phục. - Vận hành bơm dự phòng đảm bảo cấp nước.

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại sản xuất Hoàng Thiên)

## **Chương IV**

### **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

##### **1.1. Nội dung đề nghị cấp phép với nước thải**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải sản xuất được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, không xả trực tiếp ra ngoài môi trường).

##### **1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:**

###### **1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

###### **a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

+ Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh văn phòng, nhà xưởng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy - hấp. Định kỳ 1 – 2 tháng, cơ sở liên hệ đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

###### **b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất từ khu vực sấy hấp → Bể gom → Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

###### **1.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của công ty. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, đảm bảo không phát sinh ra bên ngoài môi trường.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

#### **2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

##### **a. Nguồn phát sinh khí thải**

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu (đốt củi) vận hành nồi hơi công suất 1,5 tấn/giờ.

**b. Lưu lượng xả khí thải tối đa:** 7.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**c. Dòng khí thải:** 01 dòng khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải thải ra môi trường.

**d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải**

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B,  $K_p = 1,0$ ;  $K_v = 0,8$  – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

*Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất lượng khí thải của cơ sở*

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới của các chất ô nhiễm QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; $K_p=1,0$ ; $K_v=0,8$
1	Bụi	$m^3/h$	<b>160</b>
2	$NO_x$	$mg/Nm^3$	<b>680</b>
3	CO	$mg/Nm^3$	<b>800</b>
4	$SO_2$	$mg/Nm^3$	<b>400</b>

Nguồn: QCVN 19:2009/BTNMT

**e. Vị trí, phương thức xả khí thải**

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí

+ 01 vị trí tại 01 ống phát thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đang hoạt động thoát vào môi trường, trong khuôn viên cơ sở tại Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Tọa độ vị trí xả khí thải:  $X = 1.305.538$ ;  $Y = 576.792$

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $106^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).*

- Phương thức xả khí thải: gián đoạn (08 giờ/ngày).

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

**a. Nguồn phát sinh**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy sàng điều;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy chẻ;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy bắn màu;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đóng gói tự động;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đánh lựa;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy nén khí.

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01:  $X = 1.305.530$ ;  $Y = 576.767$ ;
- Nguồn số 02:  $X = 1.305.532$ ;  $Y = 576.779$ ;
- Nguồn số 03:  $X = 1.305.538$ ;  $Y = 576.791$ ;
- Nguồn số 04:  $X = 1.305.489$ ;  $Y = 576.789$ ;

- Nguồn số 05: X = 1.305.485; Y = 576.759;
- Nguồn số 06: X = 1.305.486; Y = 576.750.

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 106<sup>o</sup>15', múi chiều 3<sup>o</sup>)

**b. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**

Bảng 4.2. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

St t	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép (Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép)		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	Ghi chú
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

Ghi chú:

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung./.

**4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải**

**4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Điều kiện lưu chứa
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	< 100	Thùng carton
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn		Bao PE
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng		Can PE
4	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn		Bao PE
5	Pin thải	16 01 12	Rắn		Bao PE
<b>Tổng cộng</b>					-

**4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

Stt	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ điều	6.220	Rắn	14 04 03	TT - R
<b>Tổng</b>		<b>6.220</b>	-	-	-

**4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	4,4
<b>Tổng</b>		<b>4,4</b>

**4.1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

**4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy, thùng nhựa có nắp đậy.
- Kho lưu chứa:
  - + Diện tích kho: 9 m<sup>2</sup>.
  - + Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng vật liệu chống thấm, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

**4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: tại máng thu.

**4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy.
- Khu vực tập kết: Trước cổng Công ty.

Thu gom: Bố trí các thùng chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít. Cuối ngày công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 120 lít.

+ Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

## **CHƯƠNG V**

# **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:**

#### **1.1. Về công trình xử lý nước thải:**

Công nhân sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu của cơ sở. Nước thải được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó cơ sở ký hợp đồng với đơn vị thu gom đến thu gom và xử lý nước thải.

Đối với nước thải từ quá trình rửa máy móc thiết bị sau quá trình sản xuất, nước thải sẽ được thu về bể gom. Cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý.

#### **1.2. Chất thải rắn sinh hoạt**

Cơ sở trang bị thùng chứa rác sinh hoạt loại 60 lít bằng nhựa, có nắp đậy tại khu vực nhà xưởng, văn phòng. Tổ chức thu gom toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh tại nhà xưởng định kỳ 1 lần/ngày, tổ chức phân loại tách riêng các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng để bán phế liệu.

Tổ chức giáo dục công nhân, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, thường xuyên nhắc nhở nhân viên thực hành tiết kiệm, tận dụng các vật dụng có thể tái sử dụng để hạn chế thải ra môi trường.

#### **1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất (bã từ vỏ điều) được băng chuyên đưa về kho chứa hiện hữu của nhà xưởng.

Sau đó chất thải rắn công nghiệp thông thường được Công ty bán cho đơn vị thu mua.

#### **1.4. Chất thải rắn nguy hại**

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom và lưu chứa tại kho chứa CTNHH hiện hữu của nhà xưởng với diện tích 9m<sup>2</sup>.

Trong kho chứa trang bị các thùng chứa CTNHH tương ứng với các loại CTNH phát sinh. Tất cả các thùng lưu trữ CTNHH là loại thùng nhựa chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải. Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý CTNH.

### **2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:**

- Không có

### **3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải**

- Không có

#### 4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải

##### 4.1. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt với Công ty TNHH SX TM DV Chiến Lược Phát để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (Hợp đồng số 75/CLX-HDRT/2025)

##### 4.2. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Công ty TNHH Nhiên Lý đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Thương mại SX Dầu điều Thành Đạt, tần suất thu gom dựa vào khối lượng chất thải phát sinh để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh (Tần suất thu gom 1-2 lần/tháng).

Stt	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ hạt điều	6.220	Rắn	14 04 03	TT - R
<b>Tổng</b>		<b>6.220</b>	-	-	-

##### 4.3. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	<100	NH
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn		KS
3	Giẻ lau dính TPNH	18 02 01	Rắn		KS
4	Pin thải	19 06 01	Rắn		NH
5	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng		TT-R
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn		NH
-	<b>Tổng cộng</b>	-	-	-	-

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ và xử lý CTNH với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị TP.HCM theo Hợp đồng số đến thu gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/lần. (Hợp đồng được đính kèm ở phụ lục).

#### 5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong năm 2023 và năm 2024, cơ sở không có đoàn kiểm tra, thanh tra về môi trường.

## **CHƯƠNG VI**

### **KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

#### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:**

Cơ sở không có công trình xử lý chất thải thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm

#### **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

##### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

###### **❖ Quan trắc nước thải:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

###### **❖ Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: không thuộc đối tượng**

###### **❖ Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại**

###### **- Vị trí giám sát:**

. Khu vực tập kết CTR sinh hoạt

. Khu vực kho lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

. Khu vực kho lưu giữ CTNH

###### **- Chỉ tiêu giám sát: thành phần, khối lượng.**

###### **- Tần suất: hằng ngày.**

##### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

###### **- Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục.**

##### **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:**

###### **- Không có**

### 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Việc thực hiện quan trắc môi trường là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một trong những phần rất quan trọng trong công tác kiểm soát chất lượng môi trường. Để đảm bảo các hoạt động của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường và đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế ô nhiễm, chương trình giám sát chất lượng môi trường sẽ được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở như sau:

*Bảng 6.1. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm*

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>	<b>Kế hoạch thực hiện</b>
3	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm	01	5.000.000	1 năm/lần
	<b>Tổng</b>	-	<b>5.000.000</b>	-

*(Nguồn: Công ty TNHH Nhiên Lý)*

## **CHƯƠNG VII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty TNHH Nhiên Lý xin cam kết:

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.

Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.

Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Về chất thải rắn: Được quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt.

Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt của cơ sở.

Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của cơ sở hư hỏng gây ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ./.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 3800652909**

*Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 01 năm 2010*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 09 tháng 03 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHIÊN LÝ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHIEN LY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHIEN LY CO.,LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Điện thoại: 0978.074258

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

37.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHAN ĐỨC NHIÊN	Việt Nam	Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	35.000.000.000	94,595	070071001771	
2	TRẦN THỊ THU	Việt Nam	Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2.000.000.000	5,405	046182002431	

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* **Họ và tên:** PHAN ĐỨC NHIÊN

**Giới tính:** Nam

**Chức danh:** Giám đốc

**Sinh ngày:** 28/05/1971

**Dân tộc:** Kinh

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:** Thẻ căn cước công dân

**Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:** 070071001771

**Ngày cấp:** 29/04/2021

**Nơi cấp:** Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

**Địa chỉ thường trú:** Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

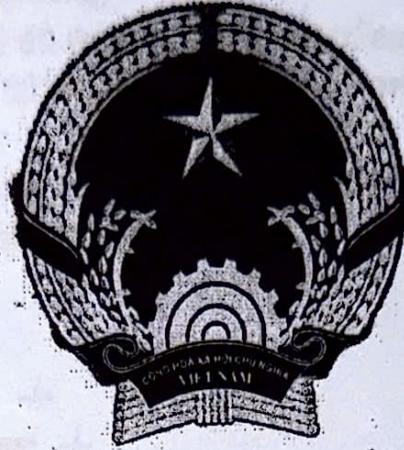
**Địa chỉ liên lạc:** Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
*Trịnh Ngọc Linh*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số  
Số Tm  
Kế hoạch  
NHAM



# GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**Ông: Phan Đức Nhiên**

Năm sinh: 1971, CMND số: 285204291

Địa chỉ thường trú: Khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước.

**Bà: Trần Thị Thu**

Năm sinh: 1982, CMND số: 285017934

Địa chỉ thường trú: Khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long,  
tỉnh Bình Phước.

CY 268635

**Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thửa đất:**

a) Thửa đất số: 574,

tờ bản đồ số: 25;

b) Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;

c) Diện tích: 5811,8m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Năm nghìn tám trăm mười một phẩy tám mét vuông);

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng;

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100,0m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu năm: 5711,8m<sup>2</sup>;

e) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đất đến ngày 31/10/2043;

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu sử dụng đất 100,0m<sup>2</sup>; Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu sử dụng đất 5711,8m<sup>2</sup>

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Thửa đất có 307,2m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ.

Bình Phước, ngày 17 tháng 6 năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**TUỶ GIÁM ĐỐC SỞ**

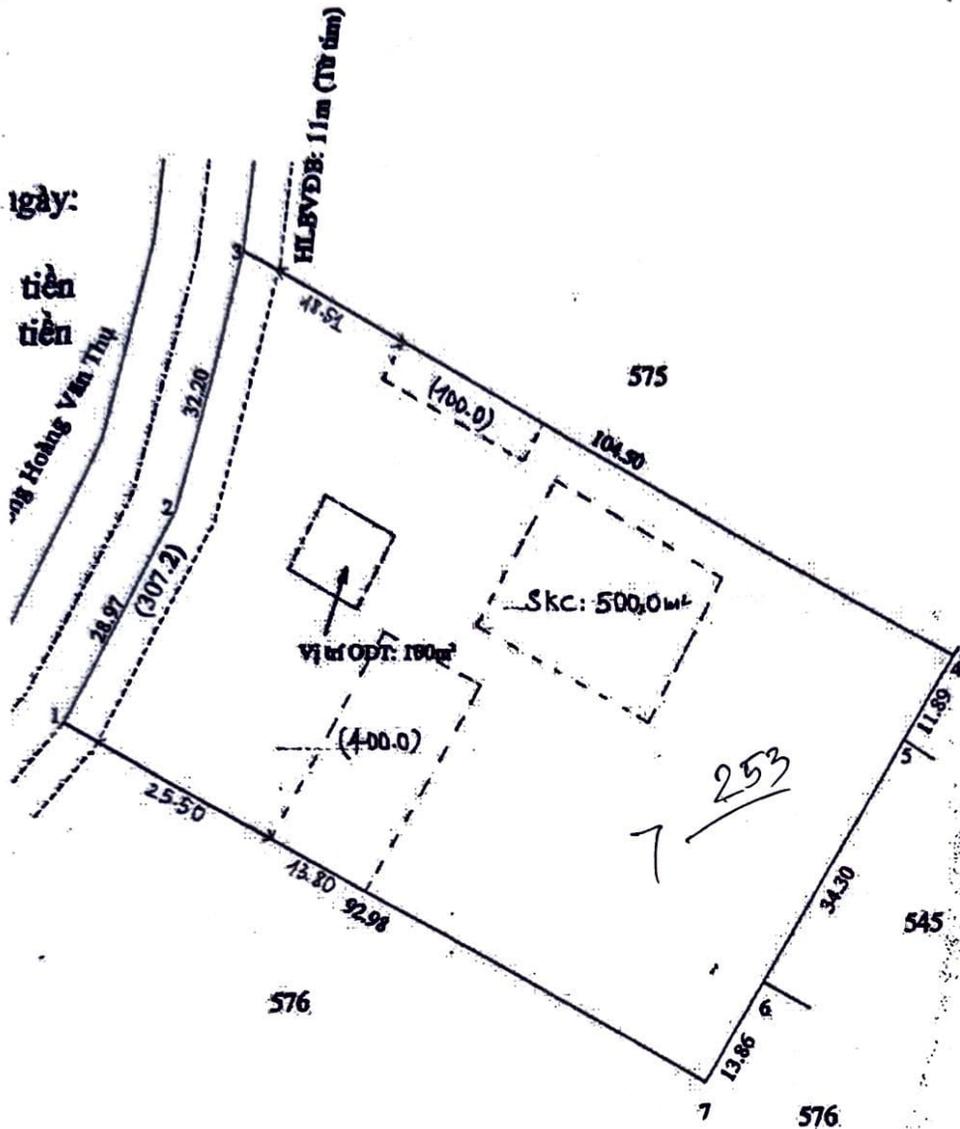
**PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC**



*Nguyễn Hữu Chung*

Số vào sổ cấp GCN: CS.016.871.CNTT

### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHIỀU DÀI CẠNH THỬA

Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1 - 2	28.97
2 - 3	32.20
3 - 4	104.50
4 - 5	11.89
5 - 6	34.30
6 - 7	13.86
7 - 1	92.98

### IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>22/07/2022; ST: 05594/CMĐ</p> <p>Chuyển mục đích sử dụng: diện tích 500,0m<sup>2</sup> từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại đô thị; diện tích 500,0m<sup>2</sup> từ đất trồng cây lâu năm thành đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, thời hạn sử dụng đất: sử dụng đất đến ngày 01/06/2072. Theo quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước; theo hồ sơ số: 000.30.66.H10-2206/0034/KSHS.</p>	<p>GIÁM ĐỐC</p> <p>Vũ Minh Sơn</p>

**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

Thửa đất số:

574

Tờ bản đồ số:

25

Số phát hành GCN: CY 268635

Số vào sổ cấp GCN: CS 04687/CNTT

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
15/03/2022	- Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN BÌNH PHƯỚC Đ/c lô 21-22 QL 14, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.. Theo hồ sơ số 2094 ngày 15/03/2022	 Vũ Thị Chiểu
29/07/2022	- Nội dung đã đăng ký thẻ chấp ngày 15/03/2022 có thay đổi: Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN BÌNH PHƯỚC Đ/c Số 672 QL 14, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 5480 ngày 29/07/2022.	 Vũ Minh Sơn

Trang bổ sung này tuân thủ theo quy định của pháp luật về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BIÊN BẢN KIỂM TRA

Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hôm nay, vào hồi 07 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại công trình: Nhà xưởng sản xuất & chế biến hạt điều thuộc Công ty TNHH Nhiên Lý.

Địa chỉ: khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Lần kiểm tra: kiểm tra lần thứ nhất.

#### Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Bình Phước.

- |                         |            |               |
|-------------------------|------------|---------------|
| - Đ/c: Mai Anh Giảng    | - Thiếu tá | - Đội trưởng. |
| - Đ/c: Đoàn Quang Trung | - Đại úy   | - Cán bộ.     |
| - Đ/c: Đặng Minh Khoa   | - Thiếu tá | - Cán bộ.     |

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy giữa chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với công trình: Nhà xưởng sản xuất & chế biến hạt điều thuộc Công ty TNHH Nhiên Lý theo đề nghị của chủ đầu tư và kế hoạch kiểm tra số 27/KH-PCCC&CNCH ngày 31/01/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Phước, buổi kiểm tra kết quả nghiệm thu có các đơn vị sau:

**Đại diện chủ đầu tư:** Công ty TNHH Nhiên Lý

Ông: Phan Đức Nhiên. Chức vụ: Giám đốc

**Đơn vị tư vấn giám sát PCCC:** Công ty TNHH MTV Nguyễn Ngọc

Ông: Lưu Ngọc Long - Chức vụ: Giám đốc

**Đơn vị thi công hệ thống PCCC:** Chi nhánh Bình Phước - Công ty TNHH PTCN Thành Công.

Ông: Thái Văn Chương - Chức vụ: Giám đốc.

**Đơn vị thi công xây dựng:** Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Xây Dựng Hưng Phát

Ông: Trương Viết Cường - Chức vụ: P. Giám đốc.

**Đơn vị Tư vấn giám sát KT xây dựng:** Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư CIC

Ông: Lê Đức Phúc - Chức vụ: Giám đốc.

**Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

## I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Tại buổi kiểm tra, Chủ đầu tư báo cáo kết quả thi công, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và nghiệm thu các hệ thống, thiết bị và giải pháp PCCC như sau:

### 1. Quy mô công trình:

Căn cứ theo bản vẽ, hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, Chủ đầu tư báo cáo với đoàn kiểm tra quy mô công trình xây dựng trong giai đoạn 1 gồm hạng mục sau:

- Nhà xưởng 1: diện tích xây dựng 1.000m<sup>2</sup>, chiều cao 11,4m; 01 tầng. Kết cấu chính: cột, kèo, khung thép, mái lợp tôn; nền BTCT, tường xây gạch 200mm, trát xi măng, bả mastic, lăn sơn.

- Nhà xưởng 2: diện tích xây dựng 1.755m<sup>2</sup>, chiều cao 9m; 01 tầng. Kết cấu chính: cột, kèo, khung thép, mái lợp tôn; nền BTCT, tường xây gạch 200mm, trát xi măng, bả mastic, lăn sơn.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ;

3. Đánh giá về kết quả thi công, nghiệm thu: Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

3.1. Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đã báo đảm số lượng, thành phần quy định tại Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

3.2. Về công tác thi công, lắp đặt: Đã báo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt.

4. Đối với các bộ phận, công trình khi thi công bị che khuất như: phần đường ống, dây dẫn... đi âm trong tường, trên trần giả, chôn ngầm... đều đã được nghiệm thu trước khi thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

5. Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra để đánh giá về công tác PCCC của công trình.

## II. KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư và các đơn vị thi công chuẩn bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra kết quả kiểm tra nghiệm thu về PCCC.

- Hồ sơ, bản vẽ được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH-Công an tỉnh Bình Phước thẩm duyệt theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số

207/TD-PCCC ngày 25/07/2018 đối với hạng mục nhà xưởng 1; số 164/TD-PCCC ngày 29/12/2023 đối với hạng mục Nhà xưởng 2.

- Đơn vị tư vấn giám sát hệ thống PCCC là: Công ty TNHH MTV Nguyễn Ngọc, đơn vị có đầy đủ chức năng tư vấn giám sát các hạng mục, hệ thống PCCC theo giấy phép kinh doanh và giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 10/GXN-PCCC do Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Phước cấp ngày 25/03/2021.

- Đơn vị thi công hệ thống PCCC là: Chi nhánh Bình Phước - Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thành Công, đơn vị có đầy đủ chức năng thi công các hạng mục, hệ thống PCCC theo giấy phép kinh doanh và giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 08/GXN-PCCC do Cảnh sát PCCC Tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/09/2019.

**Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC gồm:**

- **Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC của hệ thống cấp nước chữa cháy gồm:**

+ Máy bơm chữa cháy động cơ điện: số 155/KĐ-PCCC cấp ngày 18/05/2023. Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP. Hồ Chí Minh; Số tem: 500009161

+ Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel: số 201/KĐ-PCCC cấp ngày 19/06/2023. Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP. Hồ Chí Minh; Số tem: 500009786.

+ Máy bơm Bù áp: số 199/KĐ-PCCC cấp ngày 19/06/2023. Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP. Hồ Chí Minh; Số tem: 500009847

+ Đầu phun Sprinkler: số 509/KĐ-PCCC-Đ2 cấp ngày 27/11/2023. Đơn vị cấp: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH Bộ Công an; Tem mẫu B nằm trong khoảng: 502259879 đến 502279650

+ Cụm van báo động: số 3374/KĐ-PCCC-P7 cấp ngày 17/5/2021. Đơn vị cấp: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH Bộ Công an; Tem mẫu B nằm trong khoảng: 011211440 đến 011211549

+ Vòi chữa cháy: số 8420/KĐ-PCCC-P7 cấp ngày 17/5/2021. Đơn vị cấp: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH Bộ Công an; Tem mẫu B nằm trong khoảng: 01040773 đến 010160769

+ Lăng chữa cháy: số 8420/KĐ-PCCC-P7 cấp ngày 17/5/2021. Đơn vị cấp: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH Bộ Công an; Tem mẫu B nằm trong khoảng: 010019573 đến 010059572

+ Van khoá: số 8420/KĐ-PCCC-P7 cấp ngày 17/5/2021. Đơn vị cấp: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH Bộ Công an; Tem mẫu B nằm trong khoảng: 010079773 đến 010119772

+ Họng tiếp nước chữa cháy: số 8420/KĐ-PCCC-P7 cấp ngày 17/5/2021. Đơn vị cấp: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH Bộ Công an; Tem mẫu B nằm trong khoảng: 010119773 đến 010139772

**- Giấy chứng nhận kiểm định của hệ thống báo cháy gồm:**

+ Tủ trung tâm báo cháy: 386/KĐ-PCCC-Đ2 cấp ngày 27/08/2023. Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP.Hồ Chí Minh; Tem mẫu C nằm trong khoảng: 501851925 đến 501851924

+ Đầu báo beam tia chiếu: số 111/KĐ-PCCC-Đ2 cấp ngày 22/01/2021 . Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP.Hồ Chí Minh; Tem mẫu B nằm trong khoảng: 1912396 đến 1912405

+ Đầu báo khói: số 386/KĐ-PCCC-Đ2 cấp ngày 27/08/2023. Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP.Hồ Chí Minh; Tem mẫu C nằm trong khoảng: 501784405 đến 501825704

+ Còi báo cháy: số 261/KĐ-PCCC-Đ2 cấp ngày 18/07/2022. Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP.Hồ Chí Minh; Tem mẫu C nằm trong khoảng: 501056430 đến 501057429

+ Nút ấn báo cháy: số 1469/KĐ-PCCC-P7 cấp ngày 11/4/2023. Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP.Hồ Chí Minh; Tem mẫu C nằm trong khoảng: 014880888 đến 014882887

**Giấy chứng nhận Đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố:** số 254/KĐ-PCCC-Đ2 cấp ngày 7/5/2021, Đơn vị cấp: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP.Hồ Chí Minh. Tem mẫu C nằm trong khoảng: 500000001 đến 500075000

- Tờ khai Hải quan số 105008 ngày 03/10/2022, kèm theo CO, CQ của kim thu sét.

- Văn bản, chứng chỉ xuất xứ hệ thống, phương tiện PCCC đã lắp đặt trong công trình.

+ Các biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể hệ thống phòng cháy và chữa cháy;

+ Các bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hạng mục liên quan đến phòng cháy và chữa cháy phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt;

+ Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của công trình;

+ Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy.

*Nhận xét, đánh giá:* thành phần hồ sơ nghiệm thu cơ bản đảm bảo theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

*Kết luận:* Chủ đầu tư, đơn vị thi công và đơn vị giám sát xác nhận với đoàn kiểm tra các văn bản, tài liệu có trong hồ sơ đảm bảo theo quy định của

pháp luật, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực, pháp lý của hồ sơ (bao gồm cả các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC), đoàn kiểm tra tiến hành đối chiếu bằng trực quan, sau khi kiểm tra đã trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư lưu trữ theo quy định tại khoản 8, Điều 15, Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

### **III. KIỂM TRA THỰC TẾ, THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG PCCC VÀ HỆ THỐNG LIÊN QUAN ĐẾN PCCC**

#### **3.1. Đường giao thông, bãi đỗ phục vụ cho xe chữa cháy:**

- Phía ngoài công trình: có đường Hoàng Văn Thụ, đường hai làn xe, tiếp nối với đường DT759, khoảng cách từ cơ sở đến Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Phước khoảng 50 km.

- Phía trong công trình: có đường nội bộ đảm bảo xe chữa cháy tiếp cận được các hạng mục của công trình, chiều rộng đường lớn nhất là 10m, nhỏ nhất là 05m, đường giao thông đảm bảo thông thoáng, không bị giới hạn chiều cao. Các đoạn đường chiều rộng 01 làn xe có chiều dài nhỏ hơn 100m, đầu đường có các sân rộng đảm bảo tránh xe chữa cháy.

- Các hạng mục đã bố trí bãi đỗ cho xe chữa cháy theo quy định, các hạng mục có tất cả các mặt bố trí được bãi đỗ, kích thước các bãi đỗ qua kiểm tra phù hợp với bản vẽ thiết kế (chiều dài, chiều rộng, cấu kiện chặn phía trên), đầu các bãi đỗ đã cắm bảng cấm đỗ các phương tiện khác trong điều kiện thường, mặt đường bãi đỗ đã sơn phản quang theo quy định.

*Nhận xét, đánh giá:* tại thời điểm kiểm tra, công trình có đường giao thông bố trí với chiều rộng và chiều cao đạt yêu cầu.

#### **3.2. Khoảng cách an toàn PCCC:**

Theo báo cáo của Chủ đầu tư, công trình thi công theo đúng bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt và đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC theo quy định tại Phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình”, khoảng cách từ công trình đến đường ranh khu đất đảm bảo lớn hơn 03m, mặt tường hoàn thiện là vật liệu không cháy (đảm bảo khoảng cách ngăn cháy theo bảng E. 3 Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD)

Khoảng cách từ ranh giới khu đất hướng Đông cách hạng là 3,1m

Khoảng cách từ ranh giới khu đất hướng Tây cách hạng mục là 5m

Khoảng cách từ ranh giới khu đất hướng Nam cách hạng mục là 20m

Khoảng cách từ ranh giới khu đất hướng Bắc cách hạng mục là 6,9m

Khoảng cách giữa nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2 là 3m; tổng diện tích của 02 nhà xưởng không vượt quá diện tích khoang cháy cho phép đối với nhà sản xuất.

*Nhận xét, đánh giá:* tại thời điểm kiểm tra, các hạng mục có khoảng cách ngăn cháy lan cơ bản đã thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

### 3.3. Bậc chịu lửa:

- Bậc chịu lửa: Căn cứ theo bản vẽ hoàn công do chủ đầu tư cung cấp, các hạng mục có giới hạn chịu lửa như sau:

- Nhà xưởng 1: nhà bậc IV chịu lửa, hạng C nguy hiểm cháy, 01 tầng, diện tích khoang cháy tầng 1 khoảng 1.000m<sup>2</sup>

- Nhà xưởng 2: nhà bậc IV chịu lửa, hạng C nguy hiểm cháy, 01 tầng, diện tích khoang cháy tầng 1 khoảng 1.755m<sup>2</sup>

- Chủ đầu tư và đơn vị thi công, đơn vị giám sát cam kết và chịu trách nhiệm về khả năng chịu lực, khả năng giữ trạng thái toàn vẹn của công trình khi có cháy xảy ra theo giới hạn chịu lửa đã được thuyết minh, tính toán trong hồ sơ thiết kế và bản vẽ hoàn công.

*Nhận xét, đánh giá:* Căn cứ theo bản vẽ hoàn công và báo cáo của Chủ đầu tư, bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan cơ bản phù hợp theo bản quy định.

### 3.4. Bố trí công năng:

Theo báo cáo của chủ đầu tư và bản vẽ hồ sơ hoàn công, các hạng mục có công năng phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

Chủ đầu tư cam kết công trình có các hạng mục nhà xưởng được đưa vào sử dụng với công năng là chế biến hạt điều.

*Nhận xét, đánh giá:* Tại thời điểm kiểm tra, công năng trong công trình bố trí cơ bản theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

### 3.5 Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

#### 3.5.1 Ngăn cháy theo chiều ngang:

Diện tích khoang cháy của bản vẽ hoàn công cơ bản phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, theo đó các hạng mục có giới hạn chịu lửa bậc IV đảm bảo diện tích khoang cháy nhỏ hơn 25.000 m<sup>2</sup>, chiều cao PCCC, số tầng đạt yêu cầu theo bảng H. 9 QCVN 06:2022/BXD, cụ thể:

- Nhà xưởng 1: nhà bậc IV chịu lửa, hạng C nguy hiểm cháy, 01 tầng, diện tích khoang cháy tầng 1 khoảng 1.000m<sup>2</sup>

- Nhà xưởng 2: nhà bậc IV chịu lửa, hạng C nguy hiểm cháy, 01 tầng, diện tích khoang cháy tầng 1 khoảng 1.755m<sup>2</sup>

- Các hạng mục cùng công năng nên không bố trí các vách ngăn cháy

#### 3.5.2. Ngăn cháy theo chiều đứng:

- Các hạng mục nhà 01 tầng nên không xét điều kiện ngăn cháy theo chiều đứng

*Nhận xét, đánh giá:* Giải pháp ngăn cháy lan theo chiều đứng và chiều ngang của công trình cơ bản phù hợp theo quy định

### 3.6. Lối, đường thoát nạn:

Theo báo cáo của chủ đầu tư, các hạng mục có số lối thoát nạn như sau:

- Nhà xưởng 01: có 05 lối thoát nạn trực tiếp ra bên ngoài nhà qua các cửa có kích thước 1,2m x 2m, 3m x 4m và 4m x 4m. Kiểu cửa bản lề có chiều mở từ trong nhà ra ngoài, cửa trượt sang 2 bên. Các cửa thường mở trong giờ làm việc.

- Nhà xưởng 02: có 07 lối thoát nạn trực tiếp ra bên ngoài nhà qua các cửa có kích thước 1,2m x 2m, 3m x 4m và 4m x 4m. Kiểu cửa bản lề có chiều mở từ trong nhà ra ngoài, cửa trượt sang 2 bên. Các cửa thường mở trong giờ làm việc.

- *Tiến hành kiểm tra đường, lối thoát nạn theo các nội dung:*

+ Vị trí, số lượng, chủng loại cửa thoát nạn, khoảng cách thoát nạn, chiều rộng, chiều cao thoát nạn.

+ Chiều rộng, chiều cao lối đi thoát nạn.

+ Chiều rộng, chiều cao, hướng cửa trên đường thoát nạn.

*Nhân xét, đánh giá:* qua kiểm tra, lối và đường thoát nạn tại công trình cơ bản phù hợp theo thiết kế đã được duyệt.

### 3.7. Hệ thống báo cháy tự động.

Theo báo cáo của chủ đầu tư, Hệ thống báo cháy tự động lắp đặt tại công trình là hệ thống báo cháy loại thường, trung tâm báo cháy có dung lượng 10 zone. Thực tế sử dụng 4 zone, 6 zone dự phòng.

Tổng số thiết bị lắp đặt gồm: lắp đặt 03 đầu báo beam; 65 đầu báo khói; 09 nút ấn khẩn; 09 còi báo cháy; 09 đèn báo cháy. Các thiết bị được lắp đặt cho các hạng mục gồm:

- Nhà xưởng 1: lắp đặt 03 đầu báo beam; 03 nút ấn khẩn; 03 còi, đèn báo cháy.

- Nhà xưởng 2: 65 đầu báo khói; 06 nút ấn khẩn; 06 còi, đèn báo cháy.

- Hệ thống báo cháy tự động tại công trình được thi công theo đúng bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt và đáp ứng đầy đủ theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Vị trí lắp đặt các đầu báo, nút ấn khẩn cấp, còi báo động đảm bảo theo yêu cầu của TCVN 5738-2021 "Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật".

- Trung tâm báo cháy lắp đặt tại phòng bảo vệ (nơi có người trực 24/24h) và có niêm yết bảng hướng dẫn sử dụng.

- Các dây dẫn tín hiệu và dây nguồn được luồn vào ống nhựa PVC loại chống cháy.

- Tại thời điểm kiểm tra, bàn giao hệ thống báo cháy tự động hoạt động bình thường, các chức năng: Tín hiệu, âm thanh hoạt động đúng chức năng thiết kế và đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành. .

*Tiến hành kiểm tra các nội dung:*

- Số lượng, chủng loại, thông số tủ trung tâm báo cháy.

- Vị trí lắp đặt trung tâm báo cháy, đầu báo cháy, nút ấn báo cháy, nguồn phụ, tiếp địa, tình trạng hoạt động.

- Kiểm tra tem kiểm định so với giấy chứng nhận kiểm định có trong hồ sơ của Chủ đầu tư cung cấp, quét mã vạch để kiểm tra xuất xứ kiểm định thông qua camera của điện thoại thông minh.

- Thử xác xuất đầu báo cháy, nút ấn, chuông đèn bất kỳ.

- Khả năng chạy liên động với các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan.

- Khả năng giám sát hệ thống chữa cháy và các thiết bị ngoại vi khác (giám sát hệ thống chữa cháy tự động của nhà xưởng, giám sát hệ thống quạt hút khói).

- Chủng loại dây cáp báo cháy.

*Nhận xét, đánh giá:* Tại thời điểm kiểm tra, tủ trung tâm báo cháy đã vận hành ở chế độ thường trực, không báo lỗi, đã hiển thị được các tín hiệu báo động, tín hiệu giám sát, hệ thống có tín hiệu báo cháy, chuông đèn báo cháy đã hoạt động.

### **3.8. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn**

Theo báo cáo của Chủ đầu tư, các cửa thoát nạn, lối thoát nạn tại công trình đã được lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn theo đúng quy định. Các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn được bố trí tại các vị trí thuận lợi, dễ thấy, đảm bảo đủ độ chiếu sáng, phục vụ tốt cho công tác thoát nạn và chữa cháy.

Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn có: 15 đèn chiếu sáng sự cố; 11 đèn chỉ dẫn thoát nạn

- Chủ đầu tư cam kết: nguồn cấp đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn là nguồn ưu tiên; các đèn chiếu sáng sự cố này đều hoạt động trong 2 giờ bằng ắc quy của mỗi đèn;

Kiểm tra, thử nghiệm: kiểm tra hoạt động 05 đèn chiếu sáng sự cố và 05 đèn chỉ dẫn thoát nạn.

Kiểm tra vị trí, số lượng, thử khả năng hoạt động của hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

- Kiểm tra tem kiểm định so với giấy chứng nhận kiểm định có trong hồ sơ của Chủ đầu tư cung cấp, quét mã vạch để kiểm tra xuất xứ kiểm định thông qua camera của điện thoại thông minh.

*Kiểm tra, thử nghiệm và kết luận:* kiểm tra việc bố trí lắp đặt theo mặt bằng và thử nghiệm hoạt động tại các tầng đã đảm bảo theo quy định.

### **3.9. Hệ thống chữa cháy:**

Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị giám sát báo cáo với đoàn kiểm tra, hệ thống có trạm bơm chữa cháy với thông số như sau:

+ Các đường ống sắt tráng kẽm D168, D114, D90, D76, D40, D32 cùng các vật tư, phụ kiện kèm theo: co, tê, măng xông, van...

- Bên trong các tủ PCCC được trang bị đầy đủ lăng, vòi chữa cháy theo quy định.

- Kiểm tra thử nghiệm thực tế phun đồng thời 02 các họng nước chữa cháy vách tường tại vị trí cao và xa nhất của công trình: Đảm bảo tầm phun xa của tia nước tại đầu lăng trên 6m.

- Kiểm tra thử nghiệm thực tế cho thử nghiệm 05 đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler: Đảm bảo diện tích phun thực tế của mỗi đầu phun trên 12m<sup>2</sup>.

- Toàn bộ đường ống cấp nước chữa cháy đảm bảo kín với áp lực nước duy trì trong đường ống đạt 6kg/cm<sup>2</sup>.

- Vị trí, công suất cụm bơm chữa cháy theo đúng bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt và đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC hiện hành. Tại thời điểm kiểm tra, các bơm hoạt động tốt, đúng quy trình.

- Tại các hộp đựng vòi chữa cháy trang bị đầy đủ lăng, vòi chữa cháy. Vòi chữa cháy, lăng phun chữa cháy đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn PCCC và hoạt động bình thường.

**Nhận xét, đánh giá:** Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường được thi công đạt yêu cầu theo quy định, lưu lượng nước của các lăng phun đạt yêu cầu, tầm phun xa tia nước đặc đạt trên 12m, đường ống kín, không bị rò rỉ nước. hệ thống được duy trì áp lực bằng bơm bù áp, máy bơm được cài đặt vận hành ở chế độ tự động (tự động khởi động khi áp suất đường ống giảm đến mức cài đặt của từng bơm).

Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Sprinkler đã được kết nối liên động, khi hệ thống bơm chữa cháy hoạt động thì hệ thống báo cháy tự động phát tín hiệu cảnh báo qua các chuông báo cháy.

#### **Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà**

Hệ thống cấp nước ngoài nhà có thể lấy trực tiếp tại bể nước chữa cháy của cơ sở, công trình có lắp đặt 02 trụ cấp nước chữa cháy ngoài nhà loại 02 cửa, đầu nối mạng đường ống đến trạm bơm chữa cháy.

**Nhận xét, đánh giá:** Tại thời điểm kiểm tra, công trình được cấp nước chữa cháy ngoài nhà từ hạ tầng của nhà máy, từ bể nước của cơ sở và từ hạ tầng của khu công nghiệp

#### **3.9. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu**

- Trang bị trang bị đầy đủ các bình chữa cháy xách tay bao gồm 40 bình chữa cháy; 01 kèm cộng lực; 01 búa tạ; 01 riu; 01 xà beng.

- Trạm bơm chữa cháy lắp đặt tại công trình gồm 03 bơm:
  - + 01 Máy bơm chữa cháy động cơ điện  $Q = 57-322M^3/H; H = 86 - 65M;$
  - + 01 Máy bơm chữa cháy diesel  $Q = 90-320M^3/H; H = 93 - 52M;$
  - + 01 Máy bơm bù áp động cơ điện hiệu  $Q = 2.36 - 8,41M^3/H, H = 118.4- 27.8M$
  - + Bể nước chữa cháy dự trữ có khối tích:  $V = 450m^3.$
  - + 01 trụ họng tiếp nước chữa cháy loại trụ 02 cửa DN65.

**Tiến hành kiểm tra các nội dung:**

- + Trạm bơm được đặt trong phòng riêng, xây dựng độc lập, cách nhà xưởng lớn hơn 10m;
  - + Nguồn điện cấp cho máy bơm.
  - + Cấp điện cấp cho máy bơm là cấp được đi độc lập với cấp điện khác, không chịu tác động khi có cháy xảy ra;
  - + Chế độ hoạt động của trạm bơm được cài đặt ở chế độ tự động, ngoài ra bơm có chế độ vận hành bằng tay và ngừng hoạt động khẩn cấp;
  - + Trạm bơm có lắp đặt công tắc áp lực, ngưỡng khởi động, ngưỡng duy trì áp trên hệ thống;
  - + Các van trên hệ thống được cài đặt chế độ thường mở;
  - Số lượng, chủng loại máy bơm chữa cháy so với hồ sơ thiết kế.
  - Vị trí lắp đặt trạm bơm chữa cháy, khoảng cách giữa các bơm, giữa bơm với tường nhà bơm và các phụ kiện khác.
  - kiểm tra trang bị đèn chiếu sáng sự cố, hệ thống báo cháy tự động tại nhà trạm bơm, trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu cho trạm bơm.
  - Kiểm tra tem kiểm định so với giấy chứng nhận kiểm định có trong hồ sơ của Chủ đầu tư cung cấp, quyết mã vạch để kiểm tra xuất xứ kiểm định thông qua camera của điện thoại thông minh.
  - Khả năng chạy liên động với các hệ thống báo cháy tự động.

**Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường và chữa cháy sprinkler:**

Theo báo cáo của Chủ đầu tư, hệ thống lắp đặt gồm vật tư như sau:

**Nhà xưởng 1:**

- + 03 họng chữa cháy vách tường (đầy đủ lăng, vòi chữa cháy bên trong)
- + 96 đầu phun sprinkler (loại K 8.0 đầu phun hướng xuống).
- + Các đường ống sắt tráng kẽm D168, D114, D90, D76, D40, D32 cùng các vật tư, phụ kiện kèm theo: co, tê, măng xông, van...

**Nhà xưởng 2:**

- + 06 họng chữa cháy vách tường (đầy đủ lăng, vòi chữa cháy bên trong)
- + 176 đầu phun sprinkler (loại K 8.0 đầu phun hướng xuống).

- Kiểm tra tem kiểm định so với giấy chứng nhận kiểm định có trong hồ sơ của Chủ đầu tư cung cấp.

*Kiểm tra, thử nghiệm và nhận xét, đánh giá:* Tại thời điểm kiểm tra các bình chữa cháy được bố trí đúng nơi quy định, các bình có tem kiểm định, còn đủ bột, đủ khí.

Bộ dụng cụ phá dỡ được bố trí phù hợp theo quy định tại nhà trực bảo vệ chống cháy.

### **3.10. Giải pháp chống sét:**

Theo báo cáo của Chủ đầu tư, công trình đã lắp đặt hệ thống chống sét tia tiên đạo, đã đo điện trở tiếp đất theo quy định

*Nhận xét, kết luận:* Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của hệ thống chống sét, chất lượng và xuất xứ hàng hóa của hệ thống chống sét đánh thẳng.

### **3.11. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan**

Nguồn điện cấp cho trạm bơm chữa cháy, hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống báo cháy tự động được cấp điện từ nguồn ưu tiên, độc lập với điện sản xuất

Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố có bình ắc quy để duy trì hoạt động của hệ thống khi nguồn điện chính ngắt.

*Nhận xét, đánh giá:* Căn cứ theo báo cáo và cam kết của Chủ đầu tư, hệ thống điện cho hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan cơ bản thi công theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt.

## **IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ:**

### **4.1. Nhận xét, đánh giá:**

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã tổ chức thi công các hạng mục công trình, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan của công trình đã hoạt động đúng chức năng.

- Kết quả kiểm tra tại biên bản này là một trong các căn cứ để Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra này, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước có văn bản thông báo kết quả kiểm tra đối với công trình.

#### 4.2 Kiến nghị:

- Công trình chỉ được đưa vào hoạt động khi được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo quy định

- Chủ đầu tư, đơn vị sở hữu và đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2023 và quy định của pháp luật. Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại điểm b khoản 5 điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC;

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.

- Đối với các mặt bằng để trống khi đi vào sử dụng nếu cải tạo, sửa chữa, thay đổi so với thiết kế được duyệt thì phải thực hiện đầy đủ các quy định về thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo quy định;

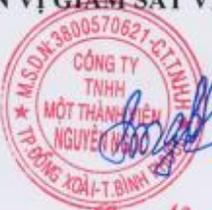
- Chủ đầu tư và đơn vị vận hành có trách nhiệm kiểm tra giám sát khả năng bảo đảm các giải pháp an toàn về PCCC (đầu báo cháy, lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy. . . );

- Khi lắp đặt, vận hành, sử dụng máy móc, dây chuyền công nghệ trong các hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC.

- Các đơn vị nhà thầu thi công hệ thống PCCC, cơ điện, công nghệ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ cho đơn vị vận hành trước khi đưa công trình vào vận hành hoạt động chính thức;

- Khi đưa công trình vào sử dụng Chủ đầu tư, đơn vị vận hành phải thành lập và duy trì đội PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 13 trang được lập thành 07 bản và đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây. /.

<b>ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ</b>  <i>Nhiên Lý</i>	<b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ XÂY DỰNG</b>  <i>Hưng Phát</i>	<b>ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA</b>  Thiếu tá Mai Anh Giang
<b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT XÂY DỰNG</b>  <i>Lê Đức Phúc</i>	<b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG PCCC</b>  <i>Châu Văn Chương</i>	<b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT VỀ PCCC</b>  <i>Lưu Ngọc Long</i>

# CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL

Địa chỉ: 115 Trần Quốc Thảo, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0839.320.400; Số đăng ký chứng nhận: 18/GCN-KĐV

## I. Cơ sở sử dụng: CÔNG TY TNHH NHIÊN LÝ

Địa chỉ: Khu phố 1, P. Phước Bình, TX. Phước Long, T. Bình Phước

Địa điểm lắp đặt: -nt-

## II. Đối tượng: NỒI HƠI ĐÓT CỬI

- Mã hiệu: NHT – 1500
- Số chế tạo: NHT – 1500 – 127
- Nhà chế tạo: Cơ khí Thiện
- Năm chế tạo: 2016
- Đặc tính, thông số kỹ thuật:
  - Áp suất thiết kế: 5,0 bar
  - Áp suất làm việc:  $\leq 4,0$  bar
  - Công suất: 1,5 tấn/h
  - Nhiệt độ làm việc:  $\leq 154^{\circ}\text{C}$
  - Công dụng: Cung cấp hơi nước bão hòa

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số: 4253/NH/VNCE ngày 27 tháng 02 năm 2017(\*)

Tem kiểm định số: 004253/VNCE

Giấy chứng nhận kiểm định này có hiệu lực đến ngày: 27/02/2018

Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thịnh Cường

(\*) Với điều kiện Cơ sở sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản.

Serial 001381

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM

Số

4253

NH

VNCE



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 280328

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Nhiên Lý

Mã số thuế (Tax code): 3800652909

Địa chỉ (Address): Khu phố 1, P. Phước Bình, TX Phước Long, T. Bình Phước

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020037683

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1447878575 ngày 02 tháng 11 năm 2024)	kWh	91.574	-	199.741.796
Cộng tiền hàng (Total amount):					199.741.796
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 15.979.344
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 215.721.140
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm mười lăm triệu bảy trăm hai mươi một nghìn một trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC  
Ngày ký: 02/11/2024 17:54:48



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 292647

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Nhiên Lý

Mã số thuế (Tax code): 3800652909

Địa chỉ (Address): Khu phố 1, P. Phước Bình, TX Phước Long, T. Bình Phước

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020037683

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1459470607 ngày 02 tháng 12 năm 2024)	kWh	91.687	-	196.687.663
Cộng tiền hàng (Total amount):					196.687.663
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 15.735.013
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 212.422.676
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm mười hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC  
Ngày ký: 02/12/2024 22:15:11



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBA

Số (No): 12238

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Nhiên Lý

Mã số thuế (Tax code): 3800652909

Địa chỉ (Address): Khu phố 1, P. Phước Bình, TX Phước Long, T. Bình Phước

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020037683

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1476192392 ngày 03 tháng 01 năm 2025)	kWh	83.557	-	180.047.727
Cộng tiền hàng (Total amount):					180.047.727
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 14.403.818
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 194.451.545
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi một nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC  
Ngày ký: 03/01/2025 11:50:07



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBA

Số (No): 38145

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Nhiên Lý

Mã số thuế (Tax code): 3800652909

Địa chỉ (Address): Khu phố 1, P. Phước Bình, TX Phước Long, T. Bình Phước

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020037683

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025 (kèm theo bảng kê số 1492348274 ngày 04 tháng 02 năm 2025)	kWh	17.520	-	37.835.072
Cộng tiền hàng (Total amount):					37.835.072
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.026.806
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 40.861.878
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi triệu tám trăm sáu mươi một nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC  
Ngày ký: 04/02/2025 20:57:43



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBA

Số (No): 77933

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Nhiên Lý

Mã số thuế (Tax code): 3800652909

Địa chỉ (Address): Khu phố 1, P. Phước Bình, TX Phước Long, T. Bình Phước

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020037683

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025 (kèm theo bảng kê số 1501484226 ngày 02 tháng 03 năm 2025)	kWh	71.296	-	154.565.404
Cộng tiền hàng (Total amount):					154.565.404
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 12.365.232
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 166.930.636
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC  
Ngày ký: 02/03/2025 21:50:02



## CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBA

Số (No): 104113

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Nhiên Lý

Mã số thuế (Tax code): 3800652909

Địa chỉ (Address): Khu phố 1, P. Phước Bình, TX Phước Long, T. Bình Phước

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020037683

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1513327330 ngày 02 tháng 04 năm 2025)	kWh	79.163	-	172.607.373
Cộng tiền hàng (Total amount):					172.607.373
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.808.590
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 186.415.963
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm mười lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC  
Ngày ký: 02/04/2025 19:29:13

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC**

Số: 75./CLX-HĐRT/2025.

Căn cứ vào nhu cầu của các Cơ quan, Công ty, Xí nghiệp Cơ sở, Hộ dân;

Căn cứ năng lực của Công ty TNHH SX TM DV Chiến Lược Xanh;

Hôm nay, ngày ...../...../....., chúng tôi gồm có:

**BÊN A:** CÔNG TY TNHH Nhiên Lợi.....

Đại diện: PHAN ĐỨC NHIÊN

Chức vụ: Giám đốc.....

Địa chỉ: KP1, P. Phước Bình, Tr. Phước Long, T. Bình Phước.....

Điện thoại: 0978076258.....

Mã số thuế: 3600652909.....

**BÊN B: CÔNG TY TNHH SX TM DV CHIẾN LƯỢC XANH**

Địa chỉ trụ sở: 405 đường 30 tháng 4, khu 8, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế: 3702612062

Tài khoản số: 050080920536, tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Bình Dương.

Đại diện ông: **Danh Minh Ngọc**

- Chức vụ: Giám đốc.

Sau khi bàn bạc thảo luận hai bên cùng ký hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1: Nội dung hợp đồng**

Bên A đề nghị bên B thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cho bên A theo quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương.

Địa điểm thu gom: Tại công ty.

Thời gian thu gom: 4 ngày thu gom 1 lần.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 6 tháng (bắt đầu từ 3.12.2025 đến 1.17.2025)

**Điều 2: Giá trị hợp đồng và hình thức thanh toán:**

**1. Giá trị hợp đồng:**

Bảng số: 300.000đ.....

Bảng chữ: ba trăm nghìn đồng tiền mặt tháng.....

Tương đương với khối lượng thu gom hàng tháng:.....

**2. Hình thức thanh toán:**

Thanh toán và ngày 5 (năm) đến ngày 30 (ba mươi) tây đầu mỗi quý và theo lộ trình của nhân viên thu gom rác.

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Khi có thay đổi trên thông tin trên hóa đơn, bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi xuất hóa đơn.

**Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên:**

## BÊN A

Chấp nhận ký lại hợp đồng khi có lượng rác phát sinh qua 15% so với lượng rác đã ký kết. Giá trị phát sinh được xác định theo tỉ lệ khối lượng hoặc trọng lượng hợp đồng đã ký kết.

Đối với hợp đồng có giá trị hàng năm bên A thanh toán thêm giá trị hợp đồng thu gom và xử lý rác vào các ngày nghỉ Lễ, Tết theo phụ lục 01 đính kèm. Giá trị này được thanh toán vào đầu quý 4 hàng năm. Nếu việc thanh toán chậm trễ thì bên B có quyền ngưng thu gom cho đến khi được thanh toán đầy đủ.

Đề rác đúng nơi và thời gian quy định.

Rác thải phải đựng trong túi Nylon gọn gàng hoặc thùng chứa rác thải chuyên dùng không tồn đọng nước.

Đối với cây xanh, rác thải nguy hại như bóng đèn, bình ắc quy, nhớt, bình chứa rác thải nguy hại, chất thải rắn phải được hai bên thỏa thuận ký hợp đồng riêng.

## BÊN B

Bên B có trách nhiệm thu gom và vận chuyển rác cho bên A theo đúng quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương.

Phải thu gom rác đúng thời gian quy định trong hợp đồng, nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh từ việc chậm trễ thu gom thì bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm.

Bên B không chịu trách nhiệm thu gom cây xanh, cành, rác thải nguy hại như đã nêu ở 'Điều 3 Trách nhiệm của mỗi bên' phần trách nhiệm của bên A mà phải được thỏa thuận và ký hợp đồng riêng.

### Điều 4: Giải quyết tranh chấp:

Hai bên thông báo cho nhau biết yêu cầu và nội dung trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Nếu có khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và giải quyết các khó khăn bằng cách cùng nhau thương lượng nhằm đảm bảo quyền lợi của hai bên.

Trong trường hợp hai bên không thể giải quyết các tranh chấp bằng các thương lượng thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án tối cao. Quyết định của Tòa án sẽ là hiệu lực cuối cùng và ràng buộc đối với 2 bên.

Mọi chi phí phát sinh bên thua sẽ chịu.

### Điều 5: Quy định chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Ngày kết thúc hợp đồng cũng là ngày hợp đồng tự động thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

Phan Đức Nhiên

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



DANH MINH NGỌC

**CÔNG TY TNHH TM SX  
DẦU ĐIỀU THÀNH ĐẠT**

.....☪☪.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....☪☪.....

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA  
SỐ : ..... / HĐMB**

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu về hàng hóa của hai bên.

Hôm nay ,ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại Công ty TNHH TM SX Dầu điều Thành Đạt chúng tôi gồm có:

**BÊN BÁN (Gọi là bên A)**

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH NHIÊN LÝ**

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Tài khoản: .....

Mã số thuế: 3800652909 Đại diện: **PHAN ĐỨC NHIÊN** Chức vụ : Giám Đốc

**BÊN MUA (Gọi là bên B)**

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH TM SX DẦU ĐIỀU THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Tổ 6, thôn Bình Lợi, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Mã số thuế: 3801254523

Đại diện: **NGUYỄN THANH PHONG** Chức vụ : Giám Đốc

Tài khoản: 050128757322 tại ngân hàng Sacombank, PGD Phước Long, tỉnh Bình Phước

Tài khoản: 6566678888 tại ngân hàng TMCP Á Châu ACB, PGD Phước Long, tỉnh Bình Phước

Sau khi bàn bạc, hai bên nhất trí ký hợp đồng mua bán với các điều khoản sau:

**Điều I: Tên hàng, số lượng, đơn giá :**

- Tên hàng : Vỏ điều

Trong hợp đồng này các từ “Hàng”, “Hàng hoá” được hiểu là Vỏ Điều mua bán giữa hai bên.

- Số lượng: Thỏa thuận theo từng thời điểm, từng đơn hàng

- Giá cả: Đơn giá mặt hàng là theo giá thị trường tại thời điểm phát sinh;

Đơn giá thành tiền thể hiện trên từng hóa đơn phát sinh;

Mặt hàng không thuế suất thuế GTGT.

**Điều II : Chất lượng và quy cách :**

- Không bị ẩm ướt, hoặc biến chất: Mốc, đen, thành than, bón cục, nhão,.....
- Không chứa rác, đất, than,... và các loại tạp chất khác không phải từ vỏ điều
- Độ ẩm: Từ 15° đến 20°. (Theo dụng cụ đo độ ẩm TK 1000W)

**Điều III : Phương thức giao nhận**

- Bên A giao hàng cho bên B tại kho của bên A ( Hoặc có sự thỏa thuận khác).
- Bên A xúc hoặc thổi vô lên xe cho bên B. Bên B chỉ nhận hàng khi được bên A đưa lên xe của bên B.
- Phương tiện vận chuyển bên B tự lo.
- Bên A có trách nhiệm hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho bên B khi bên B đến nhận hàng.

**Điều IV : Phương thức thanh toán**

Bên B thanh toán cho bên A bằng chuyển khoản ngân hàng.

**Điều V : Trách nhiệm trong việc thực hiện hợp đồng:**

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng.

Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết.

**Điều VI : Hiệu lực của hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 02/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

Khi hai bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản và điều kiện được ghi trong hợp đồng (Bên A giao hết hàng cho bên B, bên B thanh toán đủ tiền hàng cho bên A) thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Đóng dấu, ký tên)



*Phan Đức Nhiên*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Đóng dấu, ký tên)



*Nguyễn Thanh Phong*



(SGX) – A.Đức

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /HD.MTĐT-NH/25.4 VX

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép Môi trường số 220/GPMT – BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/06/2023;

Căn cứ hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn khách hàng và cho thuê phương tiện thu gom vận chuyển chất thải nguy hại số: 2096/HĐ.MTĐT-SGX/23.V ký ngày 30/6/2023 giữa Công ty TNHH Dịch vụ Công ích Sài Gòn Xanh và Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM;

Căn cứ vào bản cam kết khối lượng chất thải nguy hại ngày 01/04/2025 của CÔNG TY TNHH NHIÊN LÝ

Hôm nay, ngày 21 tháng 04 năm 2025, chúng tôi gồm

**BÊN A** : CÔNG TY TNHH NHIÊN LÝ

Địa chỉ : Khu 1, Phường Phước Bình, Thị Xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại : 0976031854

Mã số thuế : 3800652909

Đại diện : Ông PHAN ĐỨC NHIÊN Chức vụ: Giám đốc

**BÊN B** : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM

Địa chỉ : 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP HCM.

Điện thoại : 028. 3820 8666 – 028. 3820 6550

Số tài khoản : 3100005651 - Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0300438813

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh : 0300438813 (đăng ký lần đầu ngày 28/09/2010, thay đổi lần 5 ngày 08/08/2023 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh)

Đại diện : Ông NGUYỄN TĂNG HẢI Chức vụ: Phó Giám Đốc  
 (Căn cứ Giấy ủy quyền số 102/GUQ-MTDT ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị TP.HCM)

Đồng ý ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ**

Bên B nhận thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại (sau đây được viết tắt là "CTNH") cho Bên A.

**1.1. Thời gian, địa điểm thu gom chất thải nguy hại:**

- Tần suất thu gom: 01 lần/năm, Bên A phải báo trước 72 giờ cho Bộ phận phụ trách thu gom, chứng từ (Mr Hoà: 0918.747.832) để có kế hoạch tiếp nhận.
- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: Khu 1, Phường Phước Bình, Thị Xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.
- Liên hệ:

. Người liên hệ bên A: 0976.03.18.54

. Người liên hệ bên B:

Hợp đồng: Ms. Giang: 0981.717.039

Thu gom: Mr. Hòa: 0918.747.832

**1.2. Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý**

- Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại: xe chuyên dụng.
- Địa điểm xử lý: Trạm xử lý Chất thải nguy hại Thành phố Hồ Chí Minh, tại ấp 3, xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TPHCM.
- Đơn vị liên kết vận chuyển: CÔNG TY TNHH DVCI SÀI GÒN XANH
- Địa chỉ: 3/4 Mễ Cốc , Phường 15, Quận 8, TP.HCM.

**ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

**2.1 Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Khối lượng khoán kg/năm	Đơn giá (VNĐ/năm)	Điều kiện lưu chứa	Phương pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	Kg			Thùng carton	Phá hủy và chôn lấp có kiểm soát trong hầm chôn lấp
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Kg			Bao PE	Tiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ phát
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Kg	< 100	7.000.000	Can PE	



(SGX) – A.Đức

4	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg		Bao PE	sinh được đưa vào hầm chôn lấp hoặc chuyển giao làm nguyên liệu cho nhà máy xi măng
5	Pin thải	Rắn	16 01 12	Kg		Bao PE	

**Ghi chú:**

- Giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT. (Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành).
- Danh mục chất thải trên cũng là danh mục chất thải Bên B vận chuyển và xử lý cho Bên A.
- Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển, chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH.

**2.2 Giá trị hợp đồng khoán chưa bao gồm thuế VAT: 7.000.000 VNĐ/năm**

**Bảng chữ: Bảy triệu đồng/năm.**

(Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành)

- Nếu bên A không bàn giao chất thải khi bên B đến thu gom mà không thông báo trước cho bên B (bằng văn bản) thì bên A vẫn phải thanh toán chi phí trên cho bên B.

**Trường hợp phát sinh:**

\* Chi phí xử lý cho phần thu gom vận chuyển xử lý khối lượng chất thải phát sinh sẽ được áp dụng nếu thuộc một trong hai trường hợp sau:

Nếu tổng khối lượng chất thải nguy hại bàn giao > 100 kg (Trong đó bóng đèn > 10 kg/năm và các chất thải nguy hại khác > 90 kg/năm) thì chi phí xử lý cho phần thu gom vận chuyển xử lý khối lượng chất thải phát sinh sẽ được tính là:

- Chi phí xử lý phát sinh = khối lượng bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh x 50.000 VNĐ/kg + khối lượng các chất thải nguy hại khác x 50.000 VNĐ/kg.
- Chi phí vận chuyển phát sinh từ chuyển thứ 2 trở đi (nếu có) là: 2.000.000 VNĐ/chuyến

**2.3 Phương thức nghiệm thu, thanh toán:**

- Bên A thanh toán 100% giá trị khoán của hợp đồng với số tiền là: 7.000.000 VNĐ và thuế giá trị gia tăng VAT trong vòng 30 ngày sau khi ký hợp đồng.  
(Thuế VAT được áp dụng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản pháp lý về thuế có hiệu lực hiện hành)
- Hóa đơn tài chính sẽ được bên B chuyển giao cho bên A trong vòng 15-30 ngày kể từ ngày bên A thanh toán cho bên B.

- Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao và làm cơ sở tính toán chi phí thu gom vận chuyển và xử lý phát sinh (nếu có).
- Chi phí thu gom vận chuyển và xử lý phát sinh quy định ở điều 2.2 sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày sau khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính từ Bên B. Hồ sơ thanh toán bao gồm: Biên bản giao nhận chất thải và Hóa đơn tài chính.
- **Phương thức thanh toán:** chuyển khoản vào tài khoản nêu ở đầu hợp đồng (thông tin Bên B):
  - + Khi thanh toán, Bên A chịu phí khi chuyển khoản và ghi đầy đủ nội dung chuyển khoản theo cú pháp như sau: “Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số ...) Về việc ...”
  - + Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng.

### **ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM HAI BÊN**

#### **Bên A**

1. Phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải, báo cáo, chứng từ quản lý CTNH và/ hoặc các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
2. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).
3. Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của bên B.
4. Thông báo trước cho bên B trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí vận chuyển phát sinh (nếu có) do bên A chịu.
5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của hợp đồng đã ký.
6. Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.
7. Phải bàn giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.
8. Bàn giao CTNH đúng thời hạn và tần suất theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng. Thời điểm cuối cùng bên A chuyển giao CTNH ít nhất trước 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng để hai bên có đủ thời gian hoàn thiện giấy tờ pháp lý liên quan.

9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
10. Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo Điều 2. Trường hợp bên A không giao CTNH theo đúng thời gian và tuân suất theo quy định tại Điều 1 hợp đồng, Bên A vẫn có trách nhiệm thanh toán đủ giá trị hợp đồng cho bên B theo Điều 2 hợp đồng.
11. Trong trường hợp có thay đổi thông tin xuất hoá đơn, Bên A phải thông báo cho Bên B trước 30 ngày. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không có trách nhiệm xuất lại hoá đơn cho Bên A
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng

### **Bên B**

1. Ký vào chứng từ CTNH, biên bản giao nhận trên mỗi chuyên.
2. Phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.
3. Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
4. Thu gom CTNH của bên A đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của bên B.
5. Đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
6. Trong vòng 06 tháng sau khi nhận chất thải phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý. Nếu bên A vi phạm điều khoản thanh toán, hoặc gửi chứng từ trễ (chứng từ đã ký tên, đóng dấu) thì thời gian trả chứng từ sẽ cộng thêm tương ứng với thời gian bên A chậm thanh toán/ gửi chứng từ trễ.
7. Trong trường hợp xe hư hỏng, sẽ sắp xếp (bổ trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).
8. Từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty
10. Có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo Điều 2.
11. Bên B sẽ không hoàn trả số tiền Bên A thanh toán trước (nếu có) nếu Bên A vi phạm hợp đồng và có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng.

### **ĐIỀU 4. GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH**

- 4.1. Đối với Bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyên để giải

quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 02 ngày về số Điện thoại: 0981.717.039)

- 4.2. Đối với Bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A.

#### **ĐIỀU 5. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 5.1. Hợp Đồng này có hiệu lực từ 21/04/2025 ngày đến ngày 21/04/2026.
- 5.2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong trường hợp các bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản và Bên đề nghị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải gửi văn bản cho bên còn lại trước 01 (một) tháng. Trong trường hợp này, Bên không vi phạm có quyền gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
- 5.3. Bên B sẽ không hoàn trả số tiền bên A thanh toán trước (nếu có) nếu bên A vi phạm và hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.

#### **ĐIỀU 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các Bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các Bên, việc tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định pháp luật Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, phán quyết của Tòa án có tính bắt buộc thi hành đối với các Bên, Bên thua sẽ chịu mọi chi phí xét xử.

#### **ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG**

- 7.1. Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các Bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: dịch bệnh, động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được; hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.
- 7.2. Khi một Bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:
- Bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp của sự gián đoạn hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ; và
  - Bên bị gặp phải sự kiện bất khả kháng đã nỗ lực để thực hiện nghĩa vụ của mình và giảm thiểu thiệt hại gây ra cho Bên kia bởi sự kiện bất khả kháng; và
  - Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho Bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

#### **ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 8.1. Hai Bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Bất cứ sự thay đổi nào với Hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự đồng ý và ký kết giữa hai Bên và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- 8.2. Hợp đồng có hiệu lực theo thời gian thực hiện dịch vụ được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này. Trường hợp hết thời gian thực hiện dịch vụ được quy định tại Điều 5 hợp đồng này nhưng hai Bên chưa hoàn thành quyền và nghĩa vụ trong việc nghiệm thu thanh toán, hiệu lực hợp đồng được tự động gia hạn cho đến khi hai Bên hoàn thành nghiệm thu thanh toán Hợp đồng.
- 8.3. Hợp đồng này được thanh lý sau khi hai Bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.
- 8.4. Hợp đồng này bao gồm 07 trang, được lập thành 07 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 02 bản và Bên B giữ 05 bản.
- 8.5. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên. *lvsusa*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY TNHH  
**NHIÊN LÝ**  
M.S.D.N. 3800652908  
T. PHƯỚC LONG - T. BÌNH PHƯỚC

*Phan Đức Nhiên*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN  
MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
M.S.D.N. 3800652908  
T. PHƯỚC LONG - T. BÌNH PHƯỚC

**NGUYỄN TANG HẢI**

*Handwritten mark*